

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 9 năm 2013 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

(Tiếp theo Công báo số 693 + 694)

Phụ lục III DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU

(Ban hành kèm Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 9 năm 2013)

Mẫu số	Tên Biểu mẫu	Ký hiệu	Quy định tại
01	Đơn đề nghị xác định trước mã số hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	01/XĐTMS/2013	Điều 7
02	Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	02/TB-XĐTMS/2013	Điều 7
03	Văn bản sửa đổi, thay thế Thông báo kết quả xác định trước mã số hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	03/TT-XĐTMS/2013	Điều 7
04	Đơn đề nghị xác định trước trị giá hải quan	04/XĐTTG/2013	Điều 8
05	Văn bản thông báo kết quả xác định trước trị giá hải quan	05/TB-XĐTTG/2013	Điều 8
06	Văn bản sửa đổi, thay thế Thông báo kết quả xác định trước trị giá hải quan	06/TT-XĐTTG/2013	Điều 8
07	Đơn đề nghị xác định trước xuất xứ	07/XĐXX/2013	Điều 9
08	Thông báo xác định trước xuất xứ	08/TBXĐXX/2013	Điều 9
09	Chấm dứt hiệu lực văn bản xác định trước xuất xứ đối với hàng hóa nhập khẩu	09/CDHL-XĐXX/2013	Điều 9
10	Khai bổ sung	10/KBS/2013	Điều 14
11	Phiếu lấy mẫu	11/PLM/2013	Điều 17
12	Mẫu phiếu yêu cầu phân tích kiểm BBLM	12/PYCPT/2013	Điều 17

Mẫu số	Tên Biểu mẫu	Ký hiệu	Quy định tại
13	Mẫu phiếu yêu cầu phân tích hàng hóa xác định trước mã số	13/PYCPT-XDTMS/2013	Điều 17
14	Mẫu phiếu tiếp nhận yêu cầu phân tích	14/PTNYCPT/2013	Điều 17
15	Mẫu biên bản trả lại mẫu hàng hóa	15/BBTLMHH/2013	Điều 17
16	Mẫu thông báo kết quả phân tích	16/TBKQPT/2013	Điều 17
17	Mẫu thông báo kết quả phân tích	17/TBKQPL/2013	Điều 17
18	Bản cam kết cơ sở sản xuất	18/CSSX-SXXK/2013	Điều 20
19	Mẫu Thư bảo lãnh riêng	19/TBLR/2013	Điều 21
20	Mẫu đơn đề nghị áp dụng bảo lãnh tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt theo hình thức bảo lãnh chung	20/ĐBLC/2013	Điều 21
21	Mẫu Thư bảo lãnh chung	21/TBLC/2013	Điều 21
22	Mẫu đăng ký NVL+ định mức + Danh mục SPNK	22/DMNVL-SXXK/2013	Điều 36
23	Mẫu đăng ký NVL+ định mức + Danh mục SPNK	23/TBDM-SXXK/2013	Điều 37
24	Mẫu đăng ký NVL+ định mức + Danh mục SPNK	24/DMSP-SXXK/2013	Điều 37
25	Thông báo Chi cục XK SP	25/TBXKSP-SXXK/2013	Điều 38
26	Biên bản bàn giao hàng KD tạm nhập - tái xuất	26/BBBG-TNTX/2013	Điều 41
27	Sổ theo dõi quản lý hàng hóa XNK đăng ký tờ khai một lần	27/STD/2013	Điều 44
28	Phiếu theo dõi XNK nhiều lần	28/PTD/2013	Điều 44
29	Mẫu thông báo hàng nhập khẩu tại chỗ	29/TBXNKTC/2013	Điều 45
30	Mẫu kê khai hàng trung chuyển	30/BKTrC/2013	Điều 47
31	Bảng tổng hợp tờ khai nhập khẩu nguyên liệu, vật tư trong kỳ báo cáo	31/HSBC-PTQ/2013	Điều 48
32	Mẫu biểu khu phi thuế quan	32/HSBC-PTQ/2013	Điều 48

Mẫu số	Tên Biểu mẫu	Ký hiệu	Quy định tại
33	Mẫu biểu khu phi thuế quan	33/HSBC-PTQ/2013	Điều 48
34	Mẫu biểu khu phi thuế quan	34/HSBC-PTQ/2013	Điều 48
35	Mẫu biểu khu phi thuế quan	35/HSBC-PTQ/2013	Điều 48
36	Mẫu biểu khu phi thuế quan	36/HSBC-PTQ/2013	Điều 48
37	Mẫu biểu khu phi thuế quan	37/HSBC-PTQ/2013	Điều 48
38	Mẫu biểu khu phi thuế quan	38/HSBC-PTQ/2013	Điều 48
39	Mẫu biểu khu phi thuế quan	39/HSBC-PTQ/2013	Điều 48
40	Mẫu biểu khu phi thuế quan	40/HSBC-PTQ/2013	Điều 48
41	Mẫu biểu khu phi thuế quan	41/HSBC-PTQ/2013	Điều 48
42	Mẫu biểu khu phi thuế quan	42/HSBC-PTQ/2013	Điều 48
43	Báo cáo quyết toán sử dụng nguyên liệu DNCX, SXXK	43/HSBC-CX/2013	Điều 49
44	Bảng kê container rỗng	44/BKCR/2013	Điều 54
45	Báo cáo tình hình hoạt động của kho ngoại quan	45/BC-KNQ/2013	Điều 59
46	Biên bản bàn giao CCK	46/BBBG-CCK/2013	Điều 61
47	Bản kê hàng hóa chuyển chứa khẩu từ KNQ/CFS ra cửa khẩu xuất	47/BKCK-KNQ/CFS/2013	Điều 59
48	Đơn đề nghị thay đổi cửa khẩu xuất hàng	48/TĐ-CKX/2013	Điều 61
49	Đơn xin thành lập kho ngoại quan	49/TL-KNQ/2013	Điều 64
50	Đơn xin thành lập kho bảo thuế	50/TL-KBT/2013	Điều 64
51	Tờ khai PTVT đường bộ tạm nhập - tái xuất	51/PTVT ĐB/TN-TX/2013	Điều 80
52	Tờ khai PTVT đường bộ tạm xuất - tái nhập	52/PTVTĐB/TX-TN/2013	Điều 80
53	Tờ khai PTVT đường sông tạm nhập - tái xuất	53/PTVTĐS/TN-TX/2013	Điều 80
54	Tờ khai PTVT đường sông tạm xuất - tái nhập	54/PTVTĐS/TX-TN/2013	Điều 80

Mẫu số	Tên Biểu mẫu	Ký hiệu	Quy định tại
55	Bản trích lược khai tàu liên vận	55/BLK-ĐS/2013	Điều 90
56	Bản kê tờ khai xuất khẩu sản phẩm đưa vào quyết toán	56/HSHT-KTT/SXXK/2013	Điều 117
57	Báo cáo quyết toán sử dụng nguyên liệu SXXK	57/HSHT-KTT/SXXK/2013	Điều 117
58	Báo cáo tính thuế nguyên liệu SXXK	58/HSHT-KTT/SXXK/2013	Điều 117
59	Mẫu TB tiền nợ + chậm nộp của cá nhân	59/TB-TTN-TCN1/2013	Điều 131
60	Mẫu TB tiền nợ + chậm nộp của tổ chức	60/TB-TTN-TCN2/2013	Điều 131

Mẫu số 01/XĐTMS/2013
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC ĐỊNH TRƯỚC MÃ SỐ

Kính gửi:.....

A. Tổ chức, cá nhân đề nghị xác định trước mã số:

1. Tên:	
2. Địa chỉ:	
3. Điện thoại:	4. Fax:
5. Mã số thuế:	

B. Hàng hóa đề nghị xác định trước mã số:

6. Tên thương mại:	
7. Tên gọi theo cấu tạo, công dụng:	
8. Số hợp đồng:	9. Ngày hợp đồng:
10. Ký, mã hiệu, chủng loại:	11. Nhà sản xuất:

C. Mô tả chi tiết hàng hóa đề nghị xác định trước mã số:

12. Thành phần, cấu tạo, công thức hóa học:
13. Cơ chế hoạt động, cách thức sử dụng:
14. Hàm lượng tính trên trọng lượng:
15. Thông số kỹ thuật:
16. Quy trình sản xuất:
17. Công dụng theo thiết kế:
18. Các thông tin khác về hàng hóa:

D. Các tài liệu có liên quan đến hàng hóa đề nghị xác định trước mã số:

19. Tài liệu kỹ thuật:	Có ☐	Không ☐
20(a). Catalogue ☐	20(b). Hình ảnh ☐	
21. Chứng thư giám định:	Có ☐	Không ☐
22. Tài liệu có liên quan (nếu có, ghi rõ loại tài liệu)	Có ☐	Không ☐
23. Bảng kê tài liệu:	Có ☐	Không ☐

E. Mẫu hàng hóa:

24. Lượng:
25. Đơn vị tính (theo Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam):

G. Ý kiến của tổ chức, cá nhân về mã số đối với hàng hóa đề nghị xác định trước

26. Mã số đề nghị (theo Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam):
27. Cơ sở đề nghị:

H. (tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác định trước mã số) cam đoan:

Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu, mẫu hàng hóa cung cấp cho cơ quan Hải quan để thực hiện xác định trước mã số.

I. Nội dung khác (nếu có):

Tổ chức, cá nhân đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

* Ghi chú: Mục C: Tùy theo đặc tính của hàng hóa đề nghị xác định trước mã số, tổ chức, cá nhân điền thông tin phù hợp vào các tiêu chí từ ô 12 đến ô 18.

Mẫu số 02/TB-XĐTMS/2013**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TB-TCHQ

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm....

**THÔNG BÁO
Về kết quả xác định trước mã số**

Căn cứ Luật quản lý thuế ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20/11/2012;

Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế; Nghị định số 06/2003/NĐ-CP ngày 22/01/2003 của Chính phủ quy định về việc phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 49/2010/TT-BTC ngày 12/4/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 156/2011/TT-BTC ngày 14/11/2011 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, Thông tư số.... ngày.... của Bộ Tài chính về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế;

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị xác định trước mã số, Đơn đề nghị số..... ngày.... do..... (tên tổ chức, cá nhân), mã số thuế..... cung cấp và Công văn số..... ngày.... của Cục Hải quan tỉnh/thành phố.....;

Tổng cục Hải quan thông báo kết quả xác định trước mã số như sau:

1. Hàng hóa đề nghị xác định trước mã số do tổ chức, cá nhân cung cấp:

Tên thương mại:

Tên gọi theo cấu tạo, công dụng:

Ký, mã hiệu, chủng loại:

Nhà sản xuất:

2. Tóm tắt mô tả hàng hóa được xác định trước mã số:

3. Kết quả xác định trước mã số:

Tên thương mại:

Tên gọi theo cấu tạo, công dụng:

Ký, mã hiệu, chủng loại:

Nhà sản xuất:

thuộc mã số..... tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Thông báo này có hiệu lực.....

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan thông báo đề..... (tên tổ chức, cá nhân) biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- ... (tên tổ chức, cá nhân)
- (địa chỉ...);
- Cục HQ tỉnh/thành phố....
- Lưu: VT, TXNK (3b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

* Ghi chú: Thông báo này chỉ có giá trị sử dụng đối với tổ chức, cá nhân đã gửi đề nghị xác định trước mã số.

Mẫu số 03/TT-XĐTMS/2013**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TB-TCHQ

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO**Về việc sửa đổi, thay thế Thông báo kết quả xác định trước mã số**

Căn cứ Luật quản lý thuế ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20/11/2012;

Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế; Nghị định số 06/2003/NĐ-CP ngày 22/01/2003 của Chính phủ quy định về việc phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 49/2010/TT-BTC ngày 12/4/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 156/2011/TT-BTC ngày 14/11/2011 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, Thông tư số.... ngày.... của Bộ Tài chính về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế;

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị xác định trước mã số do..... (tên tổ chức, cá nhân), mã số thuế..... cung cấp;

Tổng cục Hải quan thông báo:

1. Sửa đổi Thông báo kết quả xác định trước mã số số..... ngày..... của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan như sau: (chi tiết nội dung sửa đổi và nội dung không sửa đổi tại thông báo đã ban hành)

1. Hàng hóa đề nghị xác định trước mã số do tổ chức, cá nhân cung cấp:

Tên thương mại:
Tên gọi theo cấu tạo, công dụng:
Ký, mã hiệu, chủng loại:
Nhà sản xuất:

2. Tóm tắt mô tả hàng hóa được xác định trước mã số:

3. Kết quả xác định trước mã số:

Tên thương mại:	
Tên gọi theo cấu tạo, công dụng:	
Ký, mã hiệu, chủng loại:	Nhà sản xuất:

thuộc mã số..... tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

2. Lý do sửa đổi:

3. Thông báo này thay thế cho Thông báo số... ngày.... của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan và có hiệu lực.....

Nơi nhận:

- ...*(tên tổ chức, cá nhân)*;
(địa chỉ:)
- Cục HQ tỉnh/thành phố....
- Lưu: VT, TXNK (3b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 04/XĐTTG/2013**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC ĐỊNH TRƯỚC TRỊ GIÁ

Kính gửi: Cục Hải quan tỉnh, thành phố.....

Tên tổ chức (cá nhân) đề nghị:.....

Địa chỉ:..... Số điện thoại:.....

Mã số thuế:.....

Tổ chức (cá nhân) đã bao giờ đề nghị cơ quan hải quan xác định trước trị giá? Có ☐
Không ☐

Nếu câu trả lời là “Có” đề nghị ghi rõ các Thông báo kết quả xác định trước trị giá (số..... ngày... tháng... năm... của các Thông báo)

1. Điều kiện xác định trước trị giá đối với tổ chức, cá nhân:

ĐIỀU KIỆN XÁC ĐỊNH TRƯỚC TRỊ GIÁ	
(1) Từng làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa giống hệt với hàng hóa đang đề nghị xác định trước trị giá?	Có ☐ Không ☐
(2) Có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu tối thiểu 365 ngày tính đến ngày nộp Đơn đề nghị xác định trước trị giá không?	Có ☐ Không ☐
(3) Có bị xử phạt một trong các hành vi dưới đây trong vòng 365 ngày tính đến ngày nộp Đơn đề nghị hay không? ☐ Có trong danh sách bị xử phạt về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới của cơ quan hải quan; ☐ Có trong danh sách bị xử lý về hành vi trốn thuế, gian lận thuế trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của cơ quan hải quan; <i>Tổ chức, cá nhân đánh dấu vào ô tương ứng (nếu có)</i>	Có ☐ Không ☐
(4) Chứng từ thanh toán qua ngân hàng bằng phương thức L/C cho toàn bộ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc hợp đồng mua bán đề nghị xác định trước trị giá	Có ☐ Không ☐
(5) Thực hiện giao hàng 01 lần cho toàn bộ hàng hóa thuộc hợp đồng mua bán đề nghị xác định trước trị giá	Có ☐ Không ☐

2. Nội dung khai báo chi tiết:

Tên hàng hóa, đơn vị tính ¹		Mã số HS
Nội dung giao dịch ²		
Cục Hải quan (nơi dự kiến làm thủ tục hải quan):	Thời gian dự kiến đăng ký tờ khai xuất khẩu/nhập khẩu: Ngày... tháng... năm....	
Đề nghị xác định trước trị giá ³ : ☐ Phương pháp xác định trị giá tính thuế:..... ☐ Các khoản điều chỉnh..... ☐ Mức giá: Quan điểm của tổ chức, cá nhân về đề nghị xác định trước trị giá:..... <i>Tổ chức cá nhân đề nghị xác định trước về phương pháp xác định trị giá, hoặc các khoản điều chỉnh (điều chỉnh cộng/điều chỉnh trừ), hoặc mức giá thì đánh dấu vào một trong 3 ô tương ứng, ghi rõ nội dung phương pháp xác định trị giá, nội dung các khoản điều chỉnh, mức giá đề nghị và quan điểm về đề nghị xác định trước trị giá tương ứng.</i>		
Tổ chức cá nhân đề nghị xác định trước đồng ý công bố thông tin về xác định trước trị giá: ☐ Công bố toàn phần ☐ Công bố một phần (<i>tổ chức, cá nhân liệt kê một số tiêu chí đề nghị không công bố</i>)		

Tôi đề nghị cơ quan hải quan xác định trước trị giá hải quan cho hàng hóa nêu trên. Tôi xin cam đoan:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung khai báo tại đơn này và của các tài liệu, chứng từ, thông tin do tôi cung cấp.
2. Đồng ý cung cấp những tài liệu, chứng từ cần thiết để cơ quan hải quan kiểm tra khi có yêu cầu.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Tên hàng phải đầy đủ, chi tiết ký mã hiệu, nhãn hiệu theo hướng dẫn tại tiết a, điểm 1.3.1.1, khoản 1, Điều 24 Thông tư số 205/2010/TT-BTC ngày 15/12/2010 của Bộ Tài chính.

Đơn vị tính: phải được định lượng rõ ràng theo đơn vị đo lường cơ bản (như m, kg, cái, chiếc,.....)

² Tổ chức, cá nhân khai chi tiết tại mục 1 Bản mô tả giao dịch và xác định trị giá tính thuế kèm theo

³ Tổ chức, cá nhân khai chi tiết tại mục 2,3 Bản mô tả giao dịch và xác định trị giá tính thuế kèm theo

BẢN MÔ TẢ GIAO DỊCH VÀ XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ

(Kèm theo Đơn đề nghị xác định trước trị giá)

1. Nội dung của giao dịch và các bên có liên quan trong giao dịch:

a) Các bên có liên quan trong giao dịch:

Số hợp đồng:

Ngày.... tháng..... năm.....

Tên tổ chức, cá nhân xuất khẩu/nhập khẩu:

Tên đối tác nhập khẩu/xuất khẩu:

b) Nội dung của giao dịch mua bán hàng hóa:

Mô tả cụ thể về giao dịch hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu như:

Tên hàng hóa; số lượng; đơn vị tính; đơn giá; đồng tiền thanh toán; nước nhập khẩu/xuất khẩu; thời gian dự kiến giao hàng; điều kiện giao hàng; phương tiện vận tải; phương thức thanh toán; địa điểm xếp hàng; địa điểm giao hàng; quyền và nghĩa vụ của người mua và người bán trong giao dịch; các nội dung liên quan đến trọng tài kinh tế và các nội dung khác,....

2. Phương pháp xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu:

ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP TRỊ GIÁ GIAO DỊCH	
1. Người mua có đầy đủ quyền quyết định, quyền sử dụng hàng hóa sau khi nhập khẩu không?	Có ☐ Không ☐
2. Việc bán hàng hay giá cả có phụ thuộc vào điều kiện nào dẫn đến việc không xác định được trị giá của hàng hóa nhập khẩu hay không?	Có ☐ Không ☐
3. Người mua có phải trả thêm khoản tiền nào từ số tiền thu được do việc định đoạt, sử dụng hàng hóa nhập khẩu không?	Có ☐ Không ☐
4. Người mua và người bán có mối quan hệ đặc biệt không?	Có ☐ Không ☐
Nếu có, mối quan hệ đặc biệt đó có ảnh hưởng đến trị giá giao dịch không?	Có ☐ Không ☐
PHẦN XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ	
Giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán:	_____
a) Giá mua ghi trên hóa đơn	a).....
b) Khoản thanh toán gián tiếp	b).....
c) Khoản tiền trả trước, ứng trước, đặt cọc	c).....
Các khoản phải cộng	_____
a) Chi phí hoa hồng bán hàng/phí môi giới	a).....
b) Chi phí bao bì gắn liền với hàng hóa	b).....
c) Chi phí đóng gói hàng hóa	c).....

d) Các khoản trợ giúp người mua cung cấp miễn phí hoặc giảm giá ☐ Nguyên vật liệu, bộ phận cấu thành, phụ tùng,... ☐ Vật liệu, nhiên liệu, năng lượng tiêu hao ☐ Công cụ, dụng cụ, khuôn dập, khuôn đúc,..... ☐ Bản vẽ thiết kế, sơ đồ, phác thảo	d).....
e) Tiền phí bản quyền, phí giấy phép	e).....
f) Tiền thu phải trả sau khi định đoạt, sử dụng hàng hóa	f).....
g) Chi phí vận tải, bốc xếp, chuyển hàng	g).....
h) Chi phí bảo hiểm hàng hóa	h).....
Các khoản được trừ a) Phí bảo hiểm, vận tải hàng hóa trong nội địa b) Chi phí phát sinh sau khi nhập khẩu c) Tiền lãi phải trả do việc thanh toán tiền mua hàng d) Các khoản thuế, phí, lệ phí phải trả e) Khoản giảm giá f) Chi phí liên quan đến tiếp thị hàng nhập khẩu	 a)..... b)..... c)..... d)..... e)..... f).....
Trị giá tính thuế: <i>Nêu rõ công thức tính toán (nếu có)</i>	

Ghi chú: Ghi rõ khoản tiền của từng mục (nếu có) trong Phần xác định trị giá tính thuế

3. Phương pháp xác định trị giá tính thuế hàng xuất khẩu:

- a) Phương pháp xác định trị giá tính thuế:.....
- b) Lý do áp dụng:.....
- c) Xác định trị giá tính thuế, nêu rõ các bước và giải trình chi tiết:.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 05/TB-XĐTTG/2013**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TB-TCHQ

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO
Về việc kết quả xác định trước trị giá**

Căn cứ Luật quản lý thuế ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20/11/2012;

Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị xác định trước trị giá, Đơn đề nghị số..... ngày..... do..... (tên tổ chức, cá nhân), mã số thuế:..... cung cấp và Công văn số....., ngày..... của Cục Hải quan tỉnh/thành phố.....;

Tổng cục Hải quan thông báo kết quả xác định trước trị giá như sau:

Tên hàng hóa: <i>Theo tiêu chí¹ mục 2 Đơn đề nghị xác định trước trị giá</i>	Mã số HS:
Tóm tắt nội dung giao dịch: <i>Theo tiêu chí² mục 2 Đơn đề nghị xác định trước trị giá</i>	
Tóm tắt nội dung đề nghị xác định trước trị giá của tổ chức (cá nhân): <i>Theo tiêu chí³ mục 2 Đơn đề nghị xác định trước trị giá</i>	
Ý kiến của Tổng cục Hải quan: Lý do:	

Thông báo này có hiệu lực.....

Nơi nhận:

- (tên tổ chức, cá nhân)
(địa chỉ:.....);
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố (để th/h);
- Lưu: VT, TXNK (3b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06/TT-XĐTTG/2013**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TB-TCHQ

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO**Về việc sửa đổi, thay thế Thông báo kết quả xác định trước trị giá**

Căn cứ Luật quản lý thuế ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20/11/2012;

Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị xác định trước trị giá, Đơn đề nghị số..... ngày..... do..... (tên tổ chức, cá nhân), mã số thuế:.... cung cấp;

Tổng cục Hải quan thông báo:

1. Sửa đổi Thông báo kết quả xác định trước trị giá số..... ngày..... của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan như sau: *(chi tiết nội dung sửa đổi và nội dung không sửa đổi tại Thông báo đã ban hành)*

Tên hàng hóa: <i>Theo tiêu chí¹ mục 2 Đơn đề nghị xác định trước trị giá</i>	Mã số HS:
Tóm tắt nội dung giao dịch: <i>Theo tiêu chí² mục 2 Đơn đề nghị xác định trước trị giá</i>	
Tóm tắt nội dung đề nghị xác định trước trị giá của tổ chức, cá nhân: <i>Theo tiêu chí³ mục 2 Đơn đề nghị xác định trước trị giá</i>	
Ý kiến của Tổng cục Hải quan: Lý do:	

2. Lý do sửa đổi:

3. Thông báo này thay thế Thông báo số..... ngày.... của Tổng cục trưởng Tổng cục hải quan và có hiệu lực.....

Nơi nhận:

- (tên tổ chức, cá nhân)

(địa chỉ:.....);

- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố (đề th/h);

- Lưu: VT, TXNK (3b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG*(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu 07/XĐXX/2013**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng... năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC ĐỊNH TRƯỚC XUẤT XỨ
HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

Kính gửi:.....

A. Tổ chức, cá nhân đề nghị xác định trước xuất xứ:

1. Tên:	
2. Địa chỉ:	
3. Điện thoại:	4. Fax:
5. Mã số thuế:	
6. E-mail:	

B. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

1. Tên:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại:
4. Website:
5. E-mail:

C. Cơ sở sản xuất, gia công, lắp ráp:

1. Tên:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại:
4. Website:
5. E-mail:

D. Hàng hóa đề nghị xác định trước xuất xứ:

1. Mô tả hàng hóa:	
2. Mã số HS:	3. Trị giá FOB:
4. Hành trình dự định của lô hàng từ nước sản xuất, nước xuất khẩu đến Việt Nam (cảng nước SX cảng nước XK cảng nước trung gian Việt Nam):	

E. Tài liệu kèm theo:

1. Bản kê các nguyên vật liệu dùng để sản xuất ra hàng hóa gồm các thông tin như (tên hàng, mã số H.S, xuất xứ, giá CIF).	
2. Hóa đơn mua bán các nguyên vật liệu dùng để sản xuất ra hàng hóa.	
3. Bản mô tả sơ lược quy trình sản xuất ra hàng hóa.	
4. Catalogue Có ☐ Không ☐	5. Hình ảnh Có ☐ Không ☐
6. Mẫu hàng Có ☐ Không ☐	
7. Chứng thư giám định	Có ☐ Không ☐
8. Giấy chứng nhận gia công lắp ráp	Có ☐ Không ☐
9. Giấy chứng nhận phân tích thành phần	Có ☐ Không ☐
10. Tài liệu khác:	

.... (tên Tổ chức, cá nhân đề nghị xác định trước xuất xứ) cam đoan: chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của nội dung đơn, các chứng từ và mẫu hàng kèm theo./.

Tổ chức, cá nhân đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 08/TBXĐXX/2013

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../XĐXX-TCHQ

Hà Nội, ngày.... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO**Về việc xác định trước xuất xứ hàng hóa nhập khẩu**

Căn cứ Luật quản lý thuế ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20/11/2012;

Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế; Nghị định số 19/2006/NĐ-CP ngày 22/02/2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Thương mại về xuất xứ hàng hóa;

Căn cứ Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Trên cơ sở Đơn đề nghị xác định trước xuất xứ số..... ngày... tháng... năm và hồ sơ kèm theo của..... (tên tổ chức, cá nhân) cung cấp, đề nghị của Cục Hải quan... tại Công văn số..... ngày..., Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan thông báo kết quả xác định trước xuất xứ như sau:

Tổng cục Hải quan thông báo kết quả xác định trước xuất xứ như sau:

Tên Tổ chức, cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....; Số fax:.....

Mã số thuế:.....

STT	Tên hàng	Mã số HS	Nước, cơ sở SX, XK	Tiêu chí xác định	Xuất xứ hàng hóa

Thông báo này có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.

Nơi nhận:

- Công ty....;
- Cục Hải quan các tỉnh, TP;
- Website Hải quan;
- Lưu VT, GSQL (3b).

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG

Mẫu số 09/CDHL-XĐXX/2013**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TB-TCHQ

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO
Về việc chấm dứt hiệu lực văn bản
xác định trước xuất xứ đối với hàng hóa nhập khẩu**

Căn cứ Luật quản lý thuế số..... ngày.... và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số... ngày...;

Căn cứ Nghị định số.... ngày của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế; Nghị định số..... của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Thương mại về xuất xứ hàng hóa;

Căn cứ Thông tư số.... ngày.... hướng dẫn về..... và Thông tư số.... ngày.... của Bộ Tài chính hướng dẫn về.....;

Căn cứ Thông báo xác định trước xuất xứ số..... ngày..... của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan đối với..... (*tên tổ chức, cá nhân*), mã số thuế.....

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan thông báo:

1. Chấm dứt hiệu lực của Thông báo xác định trước xuất xứ số..... ngày..... của Tổng cục Hải quan đối với mặt hàng:

Mô tả hàng hóa, ký, mã hiệu, chủng loại.....

Mã số HS:

Nhà sản xuất/xuất khẩu:

Xuất xứ:

2. Lý do chấm dứt:

Thông báo này có hiệu lực kể từ ngày...

Tổng cục Tổng cục Hải quan thông báo đề..... (*tên tổ chức, cá nhân*) và các Cục Hải quan tỉnh, thành phố biết và thực hiện./

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị XDTEXX;
- Cục HQ tỉnh/thành phố....
- Lưu: VT, TXNK (3b).

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ
(*Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu*)

**Mẫu số 10/KBS/2013 - Khai bổ sung, sửa chữa Tờ khai đối với
hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu**

KHAI BỔ SUNG VỀ HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

A. PHẦN DÀNH CHO NGƯỜI KHAI BỔ SUNG, SỬA CHỮA TỜ KHAI

1. Tên người khai bổ sung, sửa chữa Tờ khai:

2. Mã số thuế:

3. Khai bổ sung, sửa chữa cho Tờ khai hải quan số..., ngày...:

Thuộc Phụ lục số... kèm theo Tờ khai hải quan

Số thứ tự mặt hàng khai bổ sung trên tờ khai hải quan/Phụ lục Tờ khai:

Thuộc hợp đồng mua bán số:.....

4. Nội dung đã khai:

4.1. Tên hàng, quy cách, phẩm chất:

4.2. Mã số hàng hóa:

4.3. Xuất xứ:

4.4. Lượng hàng:

4.5. Đơn vị tính:

4.6. Đơn giá nguyên tệ:

4.7. Trị giá nguyên tệ:

4.8. Trị giá tính thuế:

4.9. Tỷ giá tính thuế:

4.10. Thuế suất (%) hoặc mức thuế:

- Thuế xuất khẩu:

- Thuế nhập khẩu:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt:

- Thuế giá trị gia tăng:

- Thuế bảo vệ môi trường:

4.11. Tiền thuế:

- Thuế xuất khẩu:

- Thuế nhập khẩu:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt:

- Thuế giá trị gia tăng:

- Thuế bảo vệ môi trường:

4.12. Thu khác:

4.13. Tổng số tiền thuế và thu khác:

- ...

5. Nội dung khai bổ sung, sửa chữa Tờ khai:

- 5.1. Tên hàng, quy cách, phẩm chất:
- 5.2. Mã số hàng hóa:
- 5.3. Xuất xứ:
- 5.4. Lượng hàng:
- 5.5. Đơn vị tính:
- 5.6. Đơn giá nguyên tệ:
- 5.7. Trị giá nguyên tệ:
- 5.8. Trị giá tính thuế:
- 5.9. Tỷ giá tính thuế:
- 5.10. Thuế suất (%) hoặc mức thuế:
 - Thuế xuất khẩu:
 - Thuế nhập khẩu:
 - Thuế tiêu thụ đặc biệt:
 - Thuế giá trị gia tăng:
 - Thuế bảo vệ môi trường
- 5.11. Số tiền thuế phải nộp:
 - Thuế xuất khẩu:
 - Thuế nhập khẩu:
 - Thuế tiêu thụ đặc biệt:
 - Thuế giá trị gia tăng:
 - Thuế bảo vệ môi trường
- 5.12. Số tiền thuế chênh lệch: $[12.5 = (11.5) - (11.4)]$
 - Thuế xuất khẩu:
 - Thuế nhập khẩu:
 - Thuế tiêu thụ đặc biệt:
 - Thuế giá trị gia tăng:
 - Thuế bảo vệ môi trường
- 5.13. Số tiền thu khác phải nộp:
- 5.14. Số tiền thu khác chênh lệch: $[14.5 = (13.5) - (12.4)]$
- 5.15. Tổng số tiền thuế và thu khác phải nộp:
- 5.16. Tổng số tiền thuế và thu khác chênh lệch: $[16.5 = (15.5) - (13.4)]$

- ...

6. Lý do khai bổ sung, sửa chữa Tờ khai:

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người khai bổ sung

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

B. PHẦN DÀNH CHO KIỂM TRA VÀ XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN

1. Thời gian tiếp nhận hồ sơ khai bổ sung:

Cán bộ tiếp nhận:

2. Kết quả kiểm tra nội dung khai bổ sung:

..., ngày...tháng...năm...

Số:...

(Ghi rõ nội dung khai bổ sung đúng hay không đúng và cơ sở pháp lý/lý do. Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

3. Trường hợp khai không đúng thời hạn 60 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan thì ghi chú về việc này và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Chú ý:

- Mục Nội dung đã khai và Nội dung khai bổ sung chỉ ghi những nội dung liên quan đến khai bổ sung.

- Nếu số tiền thuế chênh lệch tăng thì ghi dấu cộng (+) trước dãy số chênh lệch, nếu số tiền thuế chênh lệch giảm thì ghi dấu trừ (-) trước dãy số chênh lệch.

- Mẫu này sử dụng cho 01 tờ khai.

- Trường hợp có nhiều mặt hàng cần khai bổ sung trong cùng một tờ khai thì lập phụ lục tương tự cho từng mặt hàng.

- Mẫu này cũng được sử dụng cho trường hợp khai không đúng thời hạn 60 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan quy định tại khoản 5 Điều 14 Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính.

Mẫu số 11/PLM/2013**I. PHIẾU LẤY MẪU HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU**

1. Tờ khai số:..... ngày..... tháng..... năm.....
2. Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai:.....
3. Hình thức kiểm tra thực tế hàng hóa (miễn kiểm tra hoặc kiểm tra tỷ lệ hoặc kiểm tra toàn bộ):.....
4. Chi cục Hải quan lấy mẫu:.....
5. Người lấy mẫu:
 - + Công chức Hải quan:.....
 - + Đại diện chủ hàng:.....
6. Địa điểm lấy mẫu:.....
 Thời gian lấy mẫu:..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....
7. Tên mẫu:.....
8. Số lượng mẫu:.....
9. Chi tiết mẫu (kích thước, đặc điểm):

10. Niêm phong mẫu (số niêm phong hải quan):.....

Ngày... tháng... năm...
 (13) **Người chứng kiến**
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng... năm...
 (12) **Người lấy mẫu**
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng... năm...
 (11) **Người lập phiếu lấy mẫu**
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Phiếu lấy mẫu lập thành hai bản (1 bản lưu cùng hồ sơ lưu của Hải quan; 1 bản niêm phong cùng với mẫu hàng).
- Mục 11: Người lập phiếu lấy mẫu là người yêu cầu lấy mẫu (Hải quan hoặc doanh nghiệp);
- Mục 12: Người lấy mẫu là Hải quan cửa khẩu hoặc Hải quan ngoài cửa khẩu hoặc doanh nghiệp;
- Mục 13: Người chứng kiến là: Hải quan nếu doanh nghiệp yêu cầu lấy mẫu hoặc là doanh nghiệp nếu Hải quan yêu cầu lấy mẫu;
- Mục 11, 12, 13 nếu là công chức hải quan thì ký, đóng dấu công chức.

II. BÀN GIAO MẪU

Nội dung bàn giao (1):.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Địa điểm bàn giao:.....

.....

- Thời gian bàn giao:..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Người nhận bàn giao

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bàn giao

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Bàn giao mẫu giữa người lấy mẫu với người lưu mẫu hoặc người giám định.

- Nội dung bàn giao (1):

+ Giao mẫu để doanh nghiệp nhận tự bảo quản thì bàn giao nguyên trạng mẫu đã được niêm phong.

+ Giao mẫu cho cơ quan giám định thì mở niêm phong, bàn giao chi tiết mẫu.

Mẫu số 12/PYCPT/2013

TỔNG CỤC HẢI QUAN
TÊN CQ HẢI QUAN YÊU CẦU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....., ngày..... tháng..... năm.....

**PHIẾU YÊU CẦU PHÂN TÍCH HÀNG HÓA XUẤT KHẨU,
 NHẬP KHẨU KIỂM BIÊN BẢN LẤY MẪU**

Kính gửi:.....

1. Tên hàng theo khai báo:
 2. Mã số hàng hóa theo khai báo:.....
 3. Số tờ khai hải quan:..... ngày..... tháng..... năm.....
 4. Đơn vị XK, NK
 5. Ngày lấy mẫu:..... Địa điểm lấy mẫu:
 6. Ngày gửi: yêu cầu phân tích:.....
 7. Người lấy mẫu:
 - Công chức hải quan 1:
 - Công chức hải quan 2:
 - Đại diện chủ hàng:
 8. Đặc điểm và quy cách đóng gói mẫu:
 9. Mẫu đã được niêm phong hải quan số:
 10. Hồ sơ kèm theo:

(1) Tờ khai hải quan (bản sao)	:	Có ☐	Không ☐
(2) Hợp đồng thương mại (bản sao)	:	Có ☐	Không ☐
(3) Tài liệu kỹ thuật có liên quan (bản sao)	:	Có ☐	Không ☐
(4) Chứng thư giám định (bản sao, nếu có)	:	Có ☐	Không ☐
(5) C/O (nếu có)	:	Có ☐	Không ☐
(6) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có, ghi rõ loại giấy tờ):			
 11. Nội dung yêu cầu phân tích: *(ghi rõ các tiêu chí cần phân tích, ví dụ: thành phần, bản chất)*
 12. Người khai hải quan yêu cầu lấy lại mẫu:
- Tên người được ủy quyền nhận lại mẫu:

ĐẠI DIỆN CHỦ HÀNG CÔNG CHỨC HẢI QUAN THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ, tên) (Ký, ghi rõ họ, tên) (Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Ghi chú: Giao mẫu cho cơ quan phân tích, mở niêm phong, bàn giao chi tiết mẫu

Mẫu số 13/PYCPT-XĐTMS/2013

TỔNG CỤC HẢI QUAN
CỤC HẢI QUAN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/CHQ...-PYCPTXĐT , ngày..... tháng..... năm.....

**PHIẾU YÊU CẦU PHÂN TÍCH HÀNG HÓA
ĐỀ NGHỊ XÁC ĐỊNH TRƯỚC MÃ SỐ**

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị yêu cầu phân tích

2. Ngày yêu cầu phân tích

3. Đề nghị phân tích cho mẫu hàng hóa sau:

- Tên hàng theo hồ sơ đề nghị xác định trước mã số:

- Tổ chức, cá nhân gửi mẫu:..... Mã số thuế.....

- Mã số hàng hóa theo đề nghị của tổ chức, cá nhân:

- Ngày nhận mẫu:

- Hồ sơ kèm theo:

(1) Hợp đồng thương mại (bản sao) : Có ☐ Không ☐

(2) Tài liệu kỹ thuật có liên quan (bản sao) : Có ☐ Không ☐

(3) Catalogue (bản sao) : Có ☐ Không ☐

(4) Hình ảnh (bản sao) : Có ☐ Không ☐

(5) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có: ghi rõ loại giấy tờ):.....

- Nội dung yêu cầu phân tích: *(ghi rõ các tiêu chí cần phân tích, ví dụ: thành phần, bản chất)*

- Tổ chức, cá nhân yêu cầu lấy lại mẫu: Có ☐ Không ☐

- Tên người đại diện tổ chức, cá nhân được ủy quyền nhận lại mẫu:

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo viết tắt (3b).

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 14/PTNYCPT/2013

TỔNG CỤC HẢI QUAN
TRUNG TÂM PTPL/
CHI NHÁNH TTPTPL.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../ PTPL-NV , ngày..... tháng..... năm.....

PHIẾU TIẾP NHẬN YÊU CẦU PHÂN TÍCH
HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

- Thời gian tiếp nhận yêu cầu phân tích: ngày..... tháng..... năm
- Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu số:..... ngày
- Đơn vị yêu cầu phân tích:
- Tên mẫu theo khai báo:
- Số tờ khai hải quan:..... ngày..... tháng..... năm.....
- Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân:
-
- Số lượng mẫu:
- Tiếp nhận hồ sơ yêu cầu phân tích:

+ TKHQ (bản sao)	: Có ☐	Không ☐
+ Hợp đồng thương mại (bản sao)	: Có ☐	Không ☐
+ Tài liệu kỹ thuật liên quan	: Có ☐	Không ☐
+ Chứng thư giám định	: Có ☐	Không ☐
+ C/O	: Có ☐	Không ☐
+ Cách thức tiếp nhận	: Trực tiếp ☐	Bưu điện ☐
+ Giấy tờ khác (nếu có: ghi rõ loại tài liệu):		
- Phân công thực hiện phân tích và lưu ý:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

NGƯỜI GIAO
 (Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI NHẬN
 (Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI PHÂN CÔNG
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Trường hợp Phiếu yêu cầu phân tích hàng hóa đề nghị xác định trước mã số, không yêu cầu điền các thông tin tờ khai hải quan.

Mẫu số 15/BBTLMHH/2013

**TỔNG CỤC HẢI QUAN
TRUNG TÂM PTPL/
CHI NHÁNH TTPTPL.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TCHQ-PTPL , ngày.... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN TRẢ LẠI MẪU ĐÃ PHÂN TÍCH

Trung tâm Phân tích, phân loại hàng hóa XK, NK (hoặc Chi nhánh Trung tâm PTPL.....) quyết định trả lại mẫu đã phân tích như sau:

- Thời gian trả lại mẫu:..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....
- Tên mẫu trả lại (theo khai báo):.....
- Số tờ khai hải quan:..... Thông báo kết quả phân tích số:.....
- Số lượng mẫu trả lại:.....
- Đơn vị đề nghị trả lại mẫu:
- Công văn đề nghị trả lại mẫu số:..... Ngày..... tháng..... năm.....
- Người nhận lại mẫu (*họ tên, thông tin CMTND hoặc hộ chiếu, tên doanh nghiệp, cơ quan xin nhận lại mẫu*):.....
- Giấy ủy quyền nhận lại mẫu (nếu có):..... Ngày..... tháng..... năm
- Người trả lại mẫu:
- Lưu ý:

Chủ hàng cam đoan đã nhận lại mẫu và không khiếu nại về kết quả phân tích đối với mẫu hàng này sau khi đã được nhận lại mẫu.

NGƯỜI NHẬN LẠI MẪU NGƯỜI TRẢ LẠI MẪU THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ, tên) (Ký, ghi rõ họ, tên) (Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Ghi chú: - Công văn đề nghị trả lại mẫu ghi rõ tên người nhận lại mẫu, thông tin CMTND hoặc hộ chiếu và nội dung cam đoan nêu trên;
- Giấy ủy quyền nhận lại mẫu áp dụng cho đại lý hải quan hoặc trưởng hợp chủ hàng quyết định ủy quyền cho một đại diện hợp pháp để nhận lại mẫu.

Mẫu số 16/TBKQPT/2013

**TỔNG CỤC HẢI QUAN
TRUNG TÂM PTPL/CHI
NHÁNH TTPTPL.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TB-PTPL

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO**V/v Kết quả phân tích hàng hóa**

Trung tâm PTPL hàng hóa XNK/Chi nhánh Trung tâm PTPL hàng hóa XNK tại.... thông báo về kết quả phân tích đối với mẫu hàng hóa do.... (*tên cơ quan hải quan yêu cầu phân tích*) gửi như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo:
2. Số tờ khai hải quan:
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân:
4. Đơn vị yêu cầu phân tích:
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số..... ngày... tháng... năm.....
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số..... ngày..... tháng..... năm.....
7. Nội dung yêu cầu phân tích:.....

8. Chuyên viên thực hiện phân tích:

9. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH (*theo các tiêu chí yêu cầu phân tích*):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nơi nhận:

- LĐ Tổng cục (để b/c);
- Cục Thuế XNK
- Chi cục HQ....
- Các CN TTPTPL (*nếu TTPTPL thông báo*)
- hoặc TTPTPL và CN khác (*nếu 1 CN thông báo*)
- Lưu VT, đơn vị soạn thảo viết tắt (3b).

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: - Trường hợp yêu cầu phân tích để phục vụ xác định trước mã số:

+ *Không yêu cầu điền thông tin tờ khai hải quan;*

+ *Mục 5 điền thông tin Phiếu yêu cầu phân tích hàng hóa xác định trước mã số*

- *Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.*

Mẫu số 17/TBKQPL/2013**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TB-TCHQ

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO**Về kết quả phân loại đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu**

Căn cứ Nghị định số 06/2003/NĐ-CP ngày 22/01/2003 của Chính phủ quy định về việc phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 49/2010/TT-BTC ngày 12/4/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 156/2011/TT-BTC ngày 14/11/2011 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam; Thông tư số..... ngày..... của Bộ Tài chính về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế;

Trên cơ sở kết quả phân tích của Trung tâm Phân tích phân loại hàng hóa XNK tại thông báo số..... ngày..... và đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế XNK, Tổng cục Hải quan thông báo kết quả phân loại hàng hóa như sau:

1. Tên hàng theo khai báo:	
2. Đơn vị nhập khẩu:	
3. Số, ngày tờ khai hải quan	
4. Tóm tắt mô tả và đặc tính hàng hóa:	
5. Kết quả phân loại:	
Tên thương mại:	
Tên gọi theo cấu tạo, công dụng:	
Ký, mã hiệu, chủng loại:	Nhà sản xuất:
thuộc nhóm..., phân nhóm..., mã số..... tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.	

Thông báo này có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.

Nơi nhận:

- LD Tổng cục;
- Các Cục HQ tỉnh, TP (để t/hiện);
- Chi cục HQ (nơi gửi mẫu phân tích);
- Website Hải quan;
- Lưu: VT, TXNK (3b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 18/CKCSSX/2013

Tên tổ chức/doanh nghiệp... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BẢN CAM KẾT VỀ CƠ SỞ SẢN XUẤT

*(Để được áp dụng thời hạn nộp thuế 275 ngày
theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư số 128/2013/TT-BTC)*

Kính gửi: Chi cục Hải quan..... thuộc Cục Hải quan.....

I. Thông tin đơn vị cam kết

1. Tên doanh nghiệp/tổ chức:
2. Mã số thuế:
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Ngành nghề sản xuất *(ghi theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đầu tư/giấy phép đầu tư)*:

II. Nội dung cam kết

1. Là Công ty có quyền sở hữu cơ sở sản xuất (CSSX) hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam phù hợp để sản xuất hàng xuất khẩu từ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu như sau:

- Số lượng CSSX:..... Địa chỉ CSSX:.....

- Địa chỉ CSSX 1:.....

- Địa chỉ CSSX 2:.....

2. Là Công ty mẹ nhập khẩu, cung ứng nguyên liệu, vật tư để sản xuất xuất khẩu cho các đơn vị thành viên trực thuộc..... có CSSX:

- Số đơn vị thành viên:..... Cụ thể:

- Đơn vị thành viên 1:..... mã số thuế:.....

Địa chỉ CSSX 1:.....

- Đơn vị thành viên 2:..... mã số thuế:.....

Địa chỉ CSSX 2:.....

-.....

3. Là Công ty thành viên trực thuộc Công ty mẹ nhập khẩu, cung ứng nguyên liệu, vật tư để sản xuất xuất khẩu cho các đơn vị thành viên khác trực thuộc Công ty mẹ có CSSX:

Số đơn vị thành viên:..... Cụ thể:

- Đơn vị thành viên 1:..... mã số thuế:.....

Địa chỉ CSSX 1:.....

- Đơn vị thành viên 2: mã số thuế:.....

Địa chỉ CSSX 2:.....

-.....

4. Là Công ty thành viên nhập khẩu, cung ứng nguyên liệu, vật tư để sản xuất xuất khẩu cho các đơn vị trực thuộc Công ty thành viên có CSSX:

Số chi nhánh:..... Cụ thể:

- Chi nhánh 1:..... mã số thuế:.....

Địa chỉ chi nhánh 1:.....

- Chi nhánh 2:..... mã số thuế:.....

Địa chỉ chi nhánh 2:.....

-.....

5. Cơ sở sản xuất trên phù hợp với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu thuộc ngành hàng (tích vào ô tương ứng với ngành hàng):

- | | |
|-----------------------|--------------------------|
| ○ Da giày: | ☐ |
| ○ May mặc: | ☐ |
| ○ Điện tử, điện lạnh: | ☐ |
| ○ Chế biến thực phẩm: | ☐ |
| ○ Cơ khí: | ☐ |
| ○ Gỗ: | ☐ |
| ○ Nhựa: | ☐ |
| ○ Nông sản: | ☐ |
| ○ Loại khác: | ☐ |

6. Tình hình nhân lực:

- Bộ phận quản lý:..... Người;

- Số lượng công nhân:..... Người.

7. Số lượng máy móc, dây chuyền trang thiết bị (đề nghị nêu cụ thể):

-
-
-

8. Năng lực sản xuất: Đề nghị cho biết năng lực sản xuất sản phẩm xuất khẩu từ nguyên liệu nhập khẩu tối đa trong 1 năm:

..... sản phẩm/năm

III. Về tuân thủ pháp luật

Trong vòng 730 ngày tính đến ngày cung cấp thông tin (tích vào ô tương ứng có/không):

- Bị xử lý về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, trốn thuế: Có ☐ Không ☐

- Bị xử phạt về hành vi trốn thuế, gian lận thuế:

Có ☐ Không ☐

- Bị các cơ quan quản lý nhà nước xử phạt vi phạm trong lĩnh vực kế toán:

Có ☐ Không ☐

Tổ chức/Doanh nghiệp xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung cam kết trên. Trường hợp có thay đổi các thông tin trên, Tổ chức/Doanh nghiệp sẽ thực hiện khai và cam kết lại.

Nơi nhận:

-

**Người đại diện theo pháp luật của
tổ chức/doanh nghiệp**
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 19/TBLR/2013 - Thư bảo lãnh thuế dành cho bảo lãnh riêng**TÊN TỔ CHỨC BẢO LÃNH (1)**

....., ngày..... tháng..... năm.....

THƯ BẢO LÃNH RIÊNG**Số bảo lãnh:.....**

Kính gửi: Chi cục Hải Quan..... (ghi rõ tên của bên nhận bảo lãnh);

Mã hải quan:.....

Chúng tôi, (1).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:

Mã số thuế:.....

Chấp thuận bảo lãnh thuế cho (2).....*Địa chỉ:**Điện thoại:..... Fax:**Mã số thuế:**Số đăng ký kinh doanh số:..... do....., cấp ngày**Số Tài khoản*

Số tiền bảo lãnh:..... (Bằng chữ:.....) để thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của lô hàng nhập khẩu theo hợp đồng thương mại số:..... ngày.../.../..... Và/hoặc hóa đơn số:..... ngày.../.../..... Và/hoặc vận đơn (kèm mã hã vận tải) số:..... ngày.../.../..... Và/hoặc tờ khai hải quan số:..... ngày.../.../..... loại hình XNK:..... tại Chi cục Hải quan.....

Thời hạn nộp thuế được bảo lãnh:..... ngày kể từ ngày.../.../20..... đến ngày .../.../20.....

Chúng tôi cam kết không hủy ngang và khẳng định rằng:

Quá thời hạn nộp thuế được bảo lãnh, nếu (2)..... không thực hiện nghĩa vụ nộp khoản thuế trên, (1) chúng tôi chịu trách nhiệm đến cùng (bao gồm cả trách nhiệm sau khi Hợp đồng bảo lãnh giữa (1)..... với (2)..... đã hết hiệu lực) đối với số tiền thuế thuộc tờ khai (và/hoặc hợp đồng thương mại; hóa đơn; vận đơn) ghi tại Thư Bảo lãnh mà (2)..... chưa thanh toán đủ tiền thuế (bao gồm cả và tiền chậm nộp, tiền phạt (nếu có) cho tờ khai hải quan (và/hoặc hợp đồng thương mại; hóa đơn; vận đơn) và có trách nhiệm nộp đủ

tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt (nếu có) thay cho (2)..... theo quy định của Luật quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn Luật về nghĩa vụ bảo lãnh.

Bảo lãnh này có giá trị hiệu lực từ ngày...../...../..... cho đến khi số nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt (nếu có) tại tờ khai (và/hoặc hợp đồng thương mại; hóa đơn; vận đơn) được ghi trong thư bảo lãnh đã nộp hết vào NSNN.

Thư bảo lãnh thuế này được chi phối và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

Thư bảo lãnh thuế có giá trị một bản chính duy nhất và không có giá trị chuyển nhượng.

Trân trọng!

TÊN TỔ CHỨC BẢO LÃNH (1)
Chi nhánh.....
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Tên tổ chức bảo lãnh

(2): Tên người nộp thuế

Mẫu 20/ĐBLC/2013 - Đơn đề nghị áp dụng bảo lãnh tiền thuế, tiền phạt cho hàng hóa nhập khẩu theo hình thức bảo lãnh chung

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG BẢO LÃNH TIỀN THUẾ, TIỀN PHẠT
 CHO HÀNG HÓA NHẬP KHẨU THEO HÌNH THỨC BẢO LÃNH CHUNG**

Kính gửi: Chi cục Hải quan....

Tên người nộp thuế.....
 Địa chỉ
 Mã số thuế
 Số điện thoại:..... Số Fax.....
 Đề nghị Chi cục Hải quan..... cho phép áp dụng hình thức bảo lãnh chung với những thông tin như sau:

Tên tổ chức bảo lãnh:
 Mã số thuế:
 Địa chỉ:
 Số điện thoại:..... Số Fax.....

Bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, các khoản thu khác cho các lô hàng nhập khẩu của.... (tên người nộp thuế) đăng ký làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan..... từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm... với số tiền bảo lãnh là:..... đồng (Bằng chữ:.....) theo văn bản cam kết bảo lãnh số..... ngày..... của..... (tên tổ chức bảo lãnh).

.... (Tên người nộp thuế) xin cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung nêu trên.

Giám đốc Công ty.....
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHẦN KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN

....., ngày.... tháng.... năm.....

(Ghi rõ ý kiến đồng ý hay không đồng ý và cơ sở pháp lý/lý do. Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 21/TBLC/2013 - Thư bảo lãnh thuế dành cho bảo lãnh chung**TÊN TỔ CHỨC BẢO LÃNH (1)**

....., ngày.... tháng.... năm.....

THƯ BẢO LÃNH CHUNG**Số bảo lãnh:.....***Kính gửi:* Chi cục Hải Quan..... (ghi rõ tên của bên nhận bảo lãnh)*Chúng tôi, (1).....*

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:

Mã số thuế:.....

Chấp thuận bảo lãnh thuế cho (2).....*Địa chỉ:**Điện thoại:*..... *Fax:**Mã số thuế:**Số đăng ký kinh doanh số:*..... *do*....., *cấp ngày*.....*Số Tài khoản:*

Số tiền bảo lãnh:..... (Bằng chữ:.....) để thực hiện nghĩa vụ nộp thuế.

Thời hạn nộp thuế được bảo lãnh:..... *ngày kể từ ngày*/...../20.... *đến ngày*/...../20.....

Chúng tôi cam kết không hủy ngang và khẳng định rằng:

Quá thời hạn nộp thuế được bảo lãnh của từng tờ khai, nếu (2)..... không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, (1) chúng tôi chịu trách nhiệm đến cùng (bao gồm cả trách nhiệm sau khi Hợp đồng bảo lãnh giữa (1)..... với (2)..... đã hết hiệu lực) đối với số tiền thuế đã được sử dụng trong Thư bảo lãnh này mà (2)..... chưa thanh toán đủ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt (nếu có) và có trách nhiệm nộp đủ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt (nếu có) thay cho (2)..... theo quy định của Luật quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn Luật về nghĩa vụ bảo lãnh.

Trường hợp có hủy ngang (dùng sử dụng bảo lãnh) chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm đến cùng khi tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt (nếu có) của các tờ khai sử dụng bảo lãnh chung này đã nộp đủ vào NSNN.

Bảo lãnh này có giá trị hiệu lực từ ngày...../...../..... cho đến khi số nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt (nếu có) tại các tờ khai được sử dụng tại thư bảo lãnh này đã nộp hết vào NSNN.

Thư bảo lãnh thuế này được chi phối và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

Thư bảo lãnh thuế có giá trị 01 (một) bản chính duy nhất và không có giá trị chuyển nhượng.

Trân trọng!

TÊN TỔ CHỨC BẢO LÃNH (1)

Chi nhánh.....

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Tên tổ chức bảo lãnh

(2): Tên người nộp thuế

**BẢNG ĐĂNG KÝ DANH MỤC NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ NHẬP KHẨU
ĐỂ TRỰC TIẾP SẢN XUẤT HÀNG XUẤT KHẨU**

Mặt hàng dự kiến sản xuất để xuất khẩu:

[illegible]

Ngày..... tháng..... năm.....
Giám đốc doanh nghiệp
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Cột (6): Doanh nghiệp tự xác định nguyên liệu chính và đánh dấu “x” vào dòng tương ứng.

**BẢNG THÔNG BÁO ĐỊNH MỨC TIÊU HAO NGUYÊN LIỆU,
VẬT TƯ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM**

Địa chỉ:

Hợp đồng xuất khẩu số:

Tên sản phẩm:

Đơn vị tính sp:

[illegible]

....., ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc doanh nghiệp

(Ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)

- Cột 8 “nguồn cung cấp” ghi như sau:

- Nếu có sử dụng nguyên vật liệu nhập khẩu theo loại hình kinh doanh để sản xuất sản phẩm xuất khẩu, tại cột này ghi: “NKD” tương ứng với hàng ghi tên nguyên vật liệu đó.

- Nếu có sử dụng nguyên vật liệu mua tại Việt Nam để sản xuất sản phẩm xuất khẩu, tại cột này ghi: “Mua tại VN” tương ứng với hàng ghi tên nguyên vật liệu đó.

Mẫu số 25/TBXKSP-SXXK/2013

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐĂNG KÝ CHI CỤC HẢI QUAN LÀM
THỦ TỤC XUẤT KHẨU SẢN PHẨM SXXK

Kính gửi: Chi cục Hải quan.....
thuộc Cục Hải quan.....

Tên doanh nghiệp.....; địa chỉ.....; mã số doanh nghiệp.....
đã làm thủ tục nhập khẩu nguyên vật liệu tại Chi cục.....
theo hợp đồng nhập khẩu số.....; tờ khai nhập khẩu
số.....

Căn cứ quy định tại.... Thông tư số..../2013/TT-BTC ngày..../.../2013 của Bộ
Tài chính, để thuận lợi trong việc làm thủ tục hải quan đề nghị được làm thủ tục
xuất khẩu sản phẩm SXXK tại Chi cục Hải quan..... thuộc Cục
Hải quan.....

- Mặt hàng xuất khẩu.....
- Mã hàng.....; số lượng.....

....., ngày..... tháng..... năm

Giám đốc doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu)

Ý kiến của Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu nguyên vật liệu:

Căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số..../2013/TT-BTC ngày..../.../2013 của Bộ
Tài chính, Chi cục Hải quan.....thuộc Cục Hải quan..... xin
chuyển Chi cục Hải quan..... thuộc Cục Hải quan..... để làm
thủ tục xuất khẩu sản phẩm theo đăng ký trên đây của doanh nghiệp.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Lãnh đạo Chi cục
(Ký, đóng dấu)

*Ghi chú: Nếu sản phẩm sản xuất từ nguyên liệu của một hợp đồng nhập khẩu,
doanh nghiệp làm thủ tục xuất khẩu nhiều lần tại một Chi cục Hải quan thì doanh
nghiệp chỉ cần đăng ký một lần cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu
nguyên vật liệu toàn bộ số sản phẩm xuất khẩu đó.*

Mẫu số 26/BBBG-TNTX/2013

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ BAN HÀNH VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BBBG-ĐVBH

BIÊN BẢN BÀN GIAO HÀNG HÓA KINH DOANH
TẠM NHẬP - TÁI XUẤT

Hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm.....,
 Chi cục Hải quan..... bàn giao cho
 Ông (bà)
 Đại diện của Công ty.....
 Lô hàng thuộc tờ khai/vận tải đơn số/hợp đồng số:..... để
 chuyển đến Chi cục Hải quan..... gồm:

1. Hồ sơ Hải quan

- a) Tờ khai hải quan tạm nhập: 01 bản sao;
 b) Tờ khai hải quan tái xuất: 01 bản chính (bản chủ hàng lưu), bản kê chi tiết
 (nếu có) và các chứng từ kèm theo lô hàng.

2. Hàng hóa

STT	Tên hàng	Lượng hàng	Số hiệu container/hàng rời	Số seal container	Số seal hải quan	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

- Tình trạng container (đối với hàng đóng container).....
- Tình trạng hàng hóa (đối với hàng rời):.....
- Tuyến đường vận chuyển từ..... đến.....
 Chiều dài..... km.....
- Thời gian vận chuyển dự kiến:.....
- Giờ xuất phát/giờ ra cảng:.....
- Các vấn đề khác có liên quan đến hàng hóa và hồ sơ hải quan:.....

Biên bản được lập thành 03 bản, có giá trị như nhau./.

CHI CỤC HQ CK TÁI XUẤT
 (Ký, đóng dấu công chức)

NGƯỜI KHAI HQ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

CHI CỤC HQ CK TẠM NHẬP
 (Ký, đóng dấu công chức)

Mẫu số 27/STD/2013
CỤC HẢI QUAN TỈNH, THÀNH PHỐ.....
CHI CỤC HẢI QUAN.....

Số số:.....

SỔ THEO DÕI QUẢN LÝ
HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU
ĐĂNG KÝ TỜ KHAI HẢI QUAN MỘT LẦN, XNK NHIỀU LẦN

Hợp đồng số:.....
Hiệu lực từ:...../...../..... đến:...../...../.....
Phụ lục hợp đồng (nếu có): Số.....; Hiệu lực:.....
Giấy phép (nếu có): Số:.....; Thời hạn:.....

Tên doanh nghiệp:.....
Địa chỉ:.....
Mã số doanh nghiệp:.....
Điện thoại số:.....

Năm.....

TT	Tên hàng	Mã HS	Lượng hàng	ĐVT
1				
	Lần 1: Số phiếu: 01 Ngày: 01/01/2009			
	Lần 2: Số phiếu: 02 Ngày: 01/02/2009			
	Lần... Số phiếu:..... Ngày.../.../....			
	Tồn:		0	
			Xác nhận của Hải quan	
2				
	Lần 1: Số phiếu: 01 Ngày: 01/01/2009			
	Lần 2: Số phiếu: 02 Ngày: 01/02/2009			
	Tồn		0	
			Xác nhận của Hải quan	

Mẫu số 28/PTD/2013

CỤC HẢI QUAN:.....

CHI CỤC HẢI QUAN:.....

Doanh nghiệp:.....

Mã số doanh nghiệp:.....

PHIẾU THEO DÕI NHẬP KHẨU/XUẤT KHẨU TỪNG LẦNNHẬP KHẨU ☒ XUẤT KHẨU ☐

Tờ khai số:..... ngày:...../...../.....; Số theo dõi số:.....; Phiếu theo dõi số:..... ngày:...../...../.....

STT	Tên hàng, mã HS	ĐVT	Tồn kỳ trước	Xuất/Nhập kỳ này	Tồn cuối kỳ	(1) Thuế nhập khẩu			(2) Thuế GTGT (hoặc TTDB)			(3) Thu khác	
						Thuế suất (%)	Trị giá tính thuế (VNĐ)	Tiền thuế	Thuế suất (%)	Trị giá tính thuế (VNĐ)	Tiền thuế	Tỷ lệ (%)	Số tiền
1													
2													
...													
	Cộng số tiền thuế và thu khác (1)+(2)+(3): Bảng số:												
	Bảng chữ:												

PHẦN KIỂM TRA THUẾ

STT	Tên hàng, mã HS	ĐVT	Tồn kỳ trước	Xuất/Nhập kỳ này	Tồn cuối kỳ	(1) Thuế nhập khẩu			(2) Thuế GTGT (hoặc TTDB)			(3) Thu khác	
						Thuế suất (%)	Trị giá tính thuế (VNĐ)	Tiền thuế	Thuế suất (%)	Trị giá tính thuế (VNĐ)	Tiền thuế	Tỷ lệ (%)	Số tiền
1													
2													
	Cộng số tiền thuế và thu khác (1)+(2)+(3): Bảng số:												
	Bảng chữ:												

Ngày:..... tháng..... năm.....

Xác nhận đã làm thủ tục hải quan

(Ký tên, đóng dấu công chức)

Ngày:..... tháng..... năm.....

Giám đốc doanh nghiệp

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Đối với lô hàng phải kiểm tra thực tế hàng hóa thì công chức Hải quan kiểm tra và ghi kết quả ở mặt sau phiếu này

Ghi chép của cơ quan Hải quan

Căn cứ trên Lệnh hình thức và tình hình xuất khẩu/nhập khẩu từng lần, Lãnh đạo Chi cục quyết định mức độ kiểm tra thực tế hàng hóa.

1. Hệ thống xác định: Lệnh hình thức số... ngày.../tháng/năm.... (kèm theo)

2. Công chức kiểm tra hồ sơ và đề xuất ý kiến:

a) Kết quả kiểm tra hồ sơ:

.....

b) Đề xuất hình thức, mức độ kiểm tra:

Kiểm tra sơ bộ ☐ ; Kiểm tra chi tiết ☐ ; Kiểm tra thực tế:

- Mức (1) ☐ Tỷ lệ(%)

- Mức (2) ☐ Toàn bộ

- Lý do đề xuất:

+ Theo tiêu chí quản lý rủi ro do Chi cục thiết lập ☐

.....

+ Theo chỉ đạo tăng cường kiểm tra của Chính phủ, các Bộ Ngành và cơ quan cấp trên ☐

.....

+ Theo các thông tin khác tại thời điểm làm thủ tục hải quan ☐

.....

c) Đề xuất xử lý kết quả kiểm tra: (Ký tên, đóng dấu công chức)

.....

3. Lãnh đạo Chi cục duyệt hoặc thay đổi hình thức, mức độ kiểm tra:

Kiểm tra sơ bộ ☐ ; Kiểm tra chi tiết ☐ ; Kiểm tra thực tế:

- Mức (1) ☐ Tỷ lệ(%)

- Mức (2) ☐ Toàn bộ

- Ghi rõ lý do thay đổi và ý kiến chỉ đạo: (Ký tên, đóng dấu công chức)

.....

4. Kiểm tra thực tế hàng hóa và đề xuất xử lý:

.....

5. Ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chi cục:

Ngày..... tháng... năm.....

Ngày..... tháng... năm.....

Kiểm hóa viên

Đại diện chủ hàng

(Ký tên, đóng dấu công chức)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Phiếu này do doanh nghiệp lập thành 02 bản để làm thủ tục XK, NK từng lần, lưu kèm sổ, tờ khai hải quan và tổng hợp vào sổ theo dõi, thanh khoản tờ khai hải quan.

Mẫu 29/TBXNKTC/2013

CỤC HẢI QUAN..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CHI CỤC HẢI QUAN..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TB-XNKTC

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

V/v làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ

Chi cục Hải quan..... xin thông báo:

Doanh nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

Đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu tại chỗ theo:

- Tờ khai số:..... ngày..... tháng..... năm.....

- Tại Chi cục Hải quan.....

Số TT	Tên hàng	Mã số HS	ĐVT	Lượng hàng	Trị giá

Chi cục Hải quan..... xin thông báo để Quý Cục biết, theo dõi.

Nơi nhận:

- Cục Thuế Tỉnh;
- Công ty:.....;
- Lưu:.....

Lãnh đạo Chi cục Hải quan

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu Chi cục)

Mẫu số 30/BKTrC/2013

BẢN KÊ HÀNG HÓA ĐÓNG TRONG CONTAINER TRUNG CHUYÊN
(Bản Hải quan lưu)

1. Đơn vị kinh doanh dịch vụ trung chuyên:

2. Phương tiện vận tải: - Tên, số hiệu, chuyên.....

- Ngày nhập cảnh:...../...../.....

- Cảng dỡ hàng.....

SỐ TT	I. PHẦN KÊ KHAI HÀNG NHẬP CẢNG					III. PHẦN KÊ KHAI HÀNG XUẤT CẢNG			IV. XÁC NHẬN CỦA HẢI QUAN CK NHẬP	
	Số vận đơn	Tổng số cont	Số hiệu, loại cont, số seal hãng tàu	Quy cách và trọng lượng (kgs)	Chủng loại hàng	Tên, địa chỉ chủ hàng	Tên PTVT	Ngày xuất cảnh		Ký tên, đóng dấu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(9)	(10)	(11)	(12)
.....										
.....										
Ngày..... tháng..... năm..... (Ký tên, đóng dấu)						Một số lưu ý về cont hàng hóa (như: hàng đã được gia cố, đóng gói lại,...):				

II. XÁC NHẬN CỦA HẢI QUAN CK NHẬP⁽⁸⁾ Tổng số conts nhập:.....; trong đó: - Loại 20’: - Loại 40’: - Loại khác:	V. THANH KHOẢN CỦA HQ CK NHẬP⁽¹³⁾ Tổng số conts xuất:.....; trong đó: - Loại 20’: - Loại 40’: - Loại khác:
---	--

Ghi chú: - Cột (6): Ghi loại hàng hóa chung nhất, ví dụ: hàng văn phòng phẩm, tạp hóa, mỹ phẩm, dược phẩm, ...
- Cột (8), (12), (13) công chức hải quan ký tên, đóng dấu công chức.

Mẫu số 30/BKTrC/2013

BẢN KÊ HÀNG HÓA ĐÓNG TRONG CONTAINER TRUNG CHUYỂN*(Bản người khai hải quan lưu)*

1. Đơn vị kinh doanh dịch vụ trung chuyển:

2. Phương tiện vận tải: - Tên, số hiệu, chuyển.....

- Ngày nhập cảnh:...../...../.....

- Cảng dỡ hàng.....

SỐ TT	I. PHẦN KÊ KHAI HÀNG NHẬP CẢNG						III. PHẦN KÊ KHAI HÀNG XUẤT CẢNG			IV. XÁC NHẬN CỦA HẢI QUAN CK NHẬP
	Số vận đơn	Tổng số cont	Số hiệu, loại cont, số seal hãng tàu	Quy cách và trọng lượng (kgs)	Chủng loại hàng	Tên, địa chỉ chủ hàng	Tên PTVT	Ngày xuất cảnh	Ký tên, đóng dấu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(9)	(10)	(11)	(12)
.....										
.....										
Ngày..... tháng..... năm..... <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>						Một số lưu ý về cont hàng hóa (như: hàng đã được gia cố, đóng gói lại,...):				

II. XÁC NHẬN CỦA HẢI QUAN CK NHẬP⁽⁸⁾ Tổng số conts nhập:.....; trong đó: - Loại 20’: - Loại 40’: - Loại khác:	V. THANH KHOẢN CỦA HQ CK NHẬP⁽¹³⁾ Tổng số conts xuất:.....; trong đó: - Loại 20’: - Loại 40’: - Loại khác:
---	--

Ghi chú: - Cột (6): Ghi loại hàng hóa chung nhất, ví dụ: hàng văn phòng phẩm, tạp hóa, mỹ phẩm, dược phẩm, ...
- Cột (8), (12), (13) công chức hải quan ký tên, đóng dấu công chức.

Mẫu 31/HSBC-PTQ/2013, Khổ A4**BẢNG TỔNG HỢP TỜ KHAI NHẬP KHẨU NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ TRONG KỲ BÁO CÁO***(Dùng cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong Khu phi thuế quan)*

Tờ số:.....

Tên doanh nghiệp:..... Mã số doanh nghiệp:.....

Địa chỉ doanh nghiệp:.....

Kỳ báo cáo:.....

Đơn vị Hải quan nơi làm thủ tục:.....

Số TK	Tờ khai nhập khẩu			Mã NVL	ĐVT	Lượng hàng	Cộng lũy kế	Ghi chú
	Ký hiệu	Ngày ĐK	Nơi ĐK					
1	1/NSXXK	01/01/2013	Chi cục Hải quan Vĩnh phúc	V01	M	100	100	
				V02	M	100	100	
2	2/NSXXK	02/01/2013	Chi cục Hải quan Vĩnh phúc	V01	M	100	200	
				V02	M	100	200	
3								

Ngày..... tháng..... năm.....

Công chức Hải quan tiếp nhận*(Ký tên, đóng dấu công chức)*

Ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc doanh nghiệp*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Ghi chú: - Tại biểu này thống kê nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất sản phẩm xuất khẩu (kể cả xuất khẩu vào nội địa và sang Khu phi thuế quan khác) và sản xuất sản phẩm bán tại Khu phi thuế quan (nơi có nhà máy của doanh nghiệp) trong kỳ báo cáo. Nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công thực hiện theo quy định đối với hàng gia công.

- Tại mục “Kỳ báo cáo thanh khoản”: Ghi rõ từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...

Mẫu 32/HSBC-PTQ/2013, Khổ A4
BẢNG TỔNG HỢP HÓA ĐƠN NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ MUA TẠI KHU PHI THUẾ QUAN
TRONG KỲ BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

(Dùng cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong Khu phi thuế quan) Tên doanh nghiệp:..... Mã số doanh nghiệp:..... Tờ số:.....

Tên doanh nghiệp:.....

Địa chỉ doanh nghiệp:.....

Kỳ báo cáo:.....

Đơn vị Hải quan làm thủ tục:.....

STT	Hóa đơn		Tên NVL	Mã NVL	ĐVT	Lượng hàng	Cộng lũy kế	Ghi chú
	Số HĐ	Ngày						
1	1212	01/01/2013	Vải	V01	M	100	100	
			Vải	V02	M	100	100	
2	2323	01/02/2013	Vải	V01	M	100	200	
			Vải	V02	M	100	200	
3	3434							

Ngày..... tháng.... năm.....
Công chức Hải quan tiếp nhận
 (Ký tên, đóng dấu công chức)

Ngày..... tháng..... năm.....
Giám đốc doanh nghiệp
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Tại biểu này thông kê nguyên liệu, vật tư mua tại Khu phi thuế quan (nơi có nhà máy của doanh nghiệp) để sản xuất sản phẩm xuất khẩu và sản xuất sản phẩm bán tại Khu phi thuế quan trong kỳ báo cáo quyết toán.

Mẫu 33/HSBC-PTQ/2013, Khổ A4
BẢNG TỔNG HỢP TỜ KHAI XUẤT KHẨU SẢN PHẨM TRONG KỲ BÁO CÁO QUYẾT TOÁN
(Dùng cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong Khu phi thuế quan) Tờ số:

Tên doanh nghiệp:..... Mã số doanh nghiệp:.....
 Địa chỉ doanh nghiệp:.....
 Kỳ báo cáo:.....
 Đơn vị Hải quan làm thủ tục:.....

Tờ khai xuất khẩu			Mã sản phẩm	ĐVT	Lượng hàng	Cộng lũy kế	Ghi chú
Số TK	Ký hiệu	Ngày ĐK					
1	1/NSXXK	01/01/2013	HN	Tan	100	100	
			456	Tan	50	50	
2	2/NSXXK	01/01/2013	HN	Tan	100	200	
			456	Tan	50	100	

Ngày..... tháng..... năm.....
Công chức Hải quan tiếp nhận
(Ký tên, đóng dấu công chức)

Ngày..... tháng..... năm.....
Giám đốc doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Tại biểu này thông kê sản phẩm xuất khẩu do doanh nghiệp sản xuất (trừ sản phẩm gia công) trong kỳ báo cáo thanh khoản.

Việc thống kê sản phẩm gia công xuất khẩu thực hiện theo quy định đối với hàng gia công.

Mẫu 34/HSBC-PTQ/2013, Khổ A4
BẢNG TỔNG HỢP HÓA ĐƠN SẢN PHẨM BÁN TẠI KHU PHI THUẾ QUAN TRONG KỲ BÁO CÁO QUYẾT TOÁN
(Dùng cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong Khu phi thuế quan) Tờ số:

Tên doanh nghiệp: Mã số doanh nghiệp:
 Địa chỉ doanh nghiệp:
 Kỳ báo cáo:
 Đơn vị Hải quan làm thủ tục:

STT	Hóa đơn		Mã sản phẩm	ĐVT	Lượng hàng	Cộng lũy kế	Ghi chú
	Số HD	Ngày					
1	1212	01/01/2013	V01 V02	M M	100 100	100 100	
2	2323	01/02/2013	V01 V02	M M	100 100	200 200	
3	3434						

Ngày..... tháng..... năm.....
Công chức Hải quan tiếp nhận
(Ký tên, đóng dấu công chức)

Ngày..... tháng..... năm.....
Giám đốc doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Tại biểu này thông kê sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất bán tại Khu phi thuế quan (nơi có nhà máy của doanh nghiệp) trong kỳ báo cáo quyết toán.

Mẫu 35/HSBC-PTQ/2013, Khổ A4
BẢNG TỔNG HỢP NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ ĐÃ SỬ DỤNG ĐỂ SẢN XUẤT SẢN PHẨM XUẤT KHẨU
VÀ BÁN TẠI KHU PHÍ THUẾ QUAN TRONG KỲ BÁO CÁO
(Dùng cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong Khu phi thuế quan)

Tên doanh nghiệp: Mã số doanh nghiệp:
 Địa chỉ doanh nghiệp:
 Kỳ báo cáo:
 Đơn vị Hải quan làm thủ tục:

STT	Tên nguyên liệu, vật tư	Mã nguyên liệu, vật tư	Đơn vị tính	Mã sản phẩm	Số lượng sản phẩm	Định mức (kể cả hao hụt)	Lượng NVL sử dụng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (6) x (7)
1	Vải	V1	m	SM1	100 áo	2 m/áo	200
				SM2	150	2m	300
				QD2	200 quần	2.5 m/quần	250
	Tổng nguyên liệu vải đã sử dụng:						750
2	Cúc	C1	cai	SM1	100 áo	10/áo	1000
				QD2	200 quần	2/quần	200
	Tổng nguyên liệu cúc đã sử dụng:						1200

Ngày..... tháng..... năm.....
Công chức Hải quan tiếp nhận
(Ký tên, đóng dấu công chức)

Ngày..... tháng..... năm.....
Giám đốc doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Cột 3 - Mã nguyên liệu, vật tư (NL, VT): doanh nghiệp chỉ khai khi nộp báo cáo tại những đơn vị Hải quan áp dụng công nghệ thông tin để quyết toán.

Mẫu 36/HSBC-PTQ/2013, Khổ A4
BẢNG BÁO CÁO NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ NHẬP - XUẤT - TỒN TRONG KỲ BÁO CÁO
(Dùng cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong Khu phi thuế quan) Tờ số:

Tên doanh nghiệp:..... Mã số doanh nghiệp:.....
 Địa chỉ doanh nghiệp:.....
 Kỳ báo cáo:.....
 Đơn vị Hải quan làm thủ tục:.....

Số TT	Tên nguyên, vật liệu (NVL)	Mã NVL	Đơn vị tính	Tồn đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ	Tổng NVL trong kỳ báo cáo (5) + (6)	NVL đã sử dụng để sản xuất sản phẩm XK và bán tại Khu PTQ	Tồn cuối kỳ (7) - (8)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Ngày..... tháng..... năm.....
Công chức Hải quan tiếp nhận
(Ký tên, đóng dấu công chức)

Ngày..... tháng..... năm.....
Giám đốc doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: - Số liệu ghi tại cột (5) là số liệu “Tồn cuối kỳ” của kỳ báo cáo thanh khoản lần liền kề trước đó. Doanh nghiệp báo cáo quyết toán kỳ đầu tiên thì không có “Tồn đầu kỳ”.
 - Số liệu ghi tại cột 6 “Phát sinh trong kỳ” gồm NVL nhập khẩu và mua tại Khu phi thuế quan; số liệu lấy tại bảng 31/HSBC-PTQ/2013 và 32/HSBC-PTQ/2013.

Mẫu 37/HSBC-PTQ/2013, Khổ A4
BẢNG TỔNG HỢP HÀNG HÓA NHẬP KHẨU TỪ NƯỚC NGOÀI TRONG KỲ BÁO CÁO QUYẾT TOÁN
(Dùng cho doanh nghiệp kinh doanh thương mại thuần túy trong Khu phi thuế quan)

Tên doanh nghiệp:..... Mã số doanh nghiệp:..... Tờ số:.....
 Địa chỉ doanh nghiệp:.....
 Kỳ báo cáo:.....
 Đơn vị Hải quan làm thủ tục:.....

STT	Tên hàng	Mã sản phẩm	Mã HS	Đơn vị tính	Tờ khai nhập khẩu			Lượng hàng NK trong kỳ báo cáo
					Tờ khai số	Ngày	Nơi đăng ký	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Áo sơ mi	SM1	123	cái	01/NKD...	01/01/2013		100
					02/NKD...	03/01/2013		100
			Tổng cộng lượng áo sơ mi đã nhập khẩu trong kỳ báo cáo					200
2	Giày	G1	234	đôi	01/NKD	01/01/2013		50
					02/NKD	03/01/2013		50
			Tổng cộng lượng giày đã nhập khẩu trong kỳ báo cáo					100

Ngày..... tháng..... năm.....
Công chức Hải quan tiếp nhận
(Ký tên, đóng dấu công chức)

Ngày..... tháng..... năm.....
Giám đốc doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: - Mã SP ghi tại cột (3) là mã sản phẩm do doanh nghiệp bán hàng quy định; dùng cho doanh nghiệp sử dụng máy vi tính theo dõi bán hàng.
 - Mã hàng ghi tại cột (4) là mã hàng theo biểu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hiện hành.

Mẫu 38/HSBC-PTQ/2013, Khổ A4

BẢNG TỔNG HỢP HÀNG HÓA NHẬP KHẨU TỪ NỘI ĐỊA TRONG KỲ BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

(Dùng cho doanh nghiệp kinh doanh thương mại thuần túy trong Khu phi thuế quan)

Tên doanh nghiệp:..... Tờ số:.....

Địa chỉ doanh nghiệp:..... Mã số doanh nghiệp:.....

Kỳ báo cáo:.....

Đơn vị Hải quan làm thủ tục:.....

STT	Tên hàng	Mã sản phẩm	Mã HS	Đơn vị tính	Tờ khai nhập khẩu			Lượng hàng NK trong kỳ báo cáo
					Tờ khai số	Ngày	Nơi đăng ký	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Áo sơ mi	SM1	123	cái	01/NKD...	01/01/2013		100
					02/NKD...	03/01/2013		100
			Tổng cộng lượng áo sơ mi đã nhập khẩu trong kỳ báo cáo					200
2	Giày	G1	234	đôi	01/NKD	01/01/2013		50
					02/NKD	03/01/2013		50
			Tổng cộng lượng giày đã nhập khẩu trong kỳ báo cáo					100

Ngày..... tháng..... năm.....

Công chức Hải quan kiểm tra, đối chiếu

(Ký tên, đóng dấu công chức)

Ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc doanh nghiệp

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 39/HSBC-PTQ/2013, Khổ A4
BẢNG TỔNG HỢP HÀNG HÓA MUA TẠI KHU PHI THUẾ QUAN TRONG KỲ BÁO CÁO QUYẾT TOÁN
(Dùng cho doanh nghiệp kinh doanh thương mại thuần túy trong Khu phi thuế quan)

Tờ số:.....

Tên doanh nghiệp:..... Mã số doanh nghiệp:.....
 Địa chỉ doanh nghiệp:.....
 Kỳ báo cáo:.....
 Đơn vị Hải quan làm thủ tục:.....

STT	Tên hàng	Mã sản phẩm	Mã HS	Đơn vị tính	Hóa đơn mua hàng		Lượng hàng mua tại khu phi thuế quan theo từng hóa đơn
					Số hóa đơn	Ngày	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Áo sơ mi	SM1	123	cái	01/NKD...	01/01/2013	100
					02/NKD...	03/01/2013	100
	Tổng cộng lượng áo sơ mi đã mua trong kỳ báo cáo						200
2	Giày	G1	234	đôi	01/NKD	01/01/2013	50
					02/NKD	03/01/2013	50
	Tổng cộng lượng giày đã mua trong kỳ báo cáo						100

Ngày..... tháng..... năm.....
Công chức Hải quan tiếp nhận
(Ký tên, đóng dấu công chức)

Ngày..... tháng..... năm.....
Giám đốc doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 40/HSBC-PTQ/2013, Khổ A4

BẢNG TỔNG HỢP HÀNG HÓA BÁN TẠI KHU PHI THUẾ QUAN TRONG KỲ BÁO CÁO QUYẾT TOÁN
(Dùng cho doanh nghiệp kinh doanh thương mại thuần túy trong Khu phi thuế quan)

Từ số:.....

Tên doanh nghiệp:..... Mã số doanh nghiệp:.....

Địa chỉ doanh nghiệp:.....

Kỳ báo cáo quyết toán:.....

Đơn vị Hải quan làm thủ tục quyết toán:.....

Hóa đơn bán hàng		Tên hàng	Mã sản phẩm	Mã HS	ĐVT	Lượng hàng	Cộng lũy kế hàng hóa bán
Số	Ngày						
01	01/01/2013	Giấy	G01	123	Gam	100	100
		Bút	B01	234	Cái	200	200
02	03/01/2013	Giấy	G01	123	Gam	50	150
		Bút	B01	234	Cái	100	300

Ngày..... tháng..... năm.....

Công chức Hải quan tiếp nhận
(Ký tên, đóng dấu công chức)

Ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 41/HSBC-PTQ/2013, Khổ A4
BẢNG TỔNG HỢP HÀNG HÓA XUẤT KHẨU TRONG KỲ BÁO CÁO QUYẾT TOÁN
(Dùng cho doanh nghiệp kinh doanh thương mại thuần túy trong Khu phi thuế quan)

Tên doanh nghiệp:..... Tờ số:.....
Địa chỉ doanh nghiệp:.....
Mã số doanh nghiệp:.....
Kỳ báo cáo:.....
Đơn vị Hải quan làm thủ tục:.....

STT	Tên hàng	Mã sản phẩm	Mã HS	ĐVT	Xuất khẩu vào nội địa và sang Khu phi thuế quan khác				Xuất khẩu ra nước ngoài			
					Tờ khai số	Ngày	Nơi ĐK	Lượng hàng	Tờ khai số	Ngày	Nơi ĐK	Lượng hàng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Áo sơ mi	V01	123	cái	01/XKD	01/01/13		100	02/XKD	02/01/2013		50
					03/XKD	03/01/13		150	04/XKD	05/01/2013		100
					Tổng cộng:			250	Tổng cộng:			150
2	Quần âu	Q01	234	cái	01/XKD	01/01/13		120	02/XKD	02/01/2013		70
					03/XKD	03/01/13		50	04/XKD	05/01/2013		120
					Tổng cộng:			170	Tổng cộng:			190

Ngày..... tháng..... năm.....
Công chức Hải quan tiếp nhận
(Ký tên, đóng dấu công chức)

Ngày..... tháng..... năm.....
Giám đốc doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 42/HSBC-PTQ/2013, Khổ A4
BẢNG BÁO CÁO HÀNG HÓA NHẬP - XUẤT - TỒN TRONG KỲ BÁO CÁO QUYẾT TOÁN
(Dùng cho doanh nghiệp kinh doanh thương mại thuần túy trong Khu phi thuế quan)

TỜ SỞ:

Tên doanh nghiệp:..... Mã số doanh nghiệp:.....
 Địa chỉ doanh nghiệp:.....
 Kỳ báo cáo:.....
 Đơn vị Hải quan làm thủ tục:.....

[illegible]

Ngày..... tháng..... năm.....
Công chức Hải quan tiếp nhận
(Ký tên, đóng dấu công chức)

Ngày..... tháng..... năm.....
Giám đốc doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Số liệu ghi tại cột (6) gồm: hàng nhập khẩu từ nước ngoài trong kỳ (số liệu tại Bảng 37/HSBC-PTQ) + hàng nhập từ nội địa và Khu phi thuế quan khác trong kỳ (số liệu tại Bảng 38/HSBC-PTQ) + hàng mua tại khu phi thuế quan trong kỳ (số liệu tại Bảng 39/HSBC-PTQ).

Mẫu 43/HSBC-CX/2013
BẢNG BÁO CÁO NGUYÊN LIỆU VẬT TƯ NHẬP - XUẤT - TỒN

Tên doanh nghiệp:.....; Địa chỉ:.....
 Mã số doanh nghiệp:.....
 Số hồ sơ:.....

STT	Tên/Mã nguyên liệu, vật tư	Nguyên liệu, vật tư (NL, VT) nhập khẩu					Nguyên liệu, vật tư đã sử dụng sản xuất sản phẩm xuất khẩu					NL, VT xuất trả lại				Lượng NL, VT tồn cuối kỳ
		Tờ khai nhập khẩu				Đơn vị tính	Tên/Mã sản phẩm xuất khẩu	Tờ khai xuất khẩu			Định mức NL, VT (kể cả hao hụt)/ đơn vị sản phẩm	Lượng NL, VT sử dụng sản xuất SP XK (đăng ký)	Tờ khai xuất khẩu (số; ký hiệu; ngày xuất trả lại)			
		Số; ký hiệu; ngày đăng ký	Ngày hoàn thành thủ tục	Lượng NL, VT nhập khẩu	Lượng NL, VT tồn đầu kỳ chưa quyết toán			Số; ký hiệu; ngày đăng ký	Ngày hoàn thành thủ tục hải quan	Lượng sản phẩm xuất khẩu						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)

Ngày..... tháng..... năm.....

Ngày..... tháng..... năm.....

Công chức hải quan kiểm tra, đối chiếu

Giám đốc doanh nghiệp

(Ký tên, đóng dấu công chức)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1). Cột (6) chỉ áp dụng đối với những tờ khai nhập khẩu NL, VT quyết toán làm nhiều lần; lượng NL, VT tồn đầu kỳ chưa quyết toán của lần quyết toán sau là lượng NL, VT tồn cuối kỳ của lần quyết toán trước
- (2). Cột (15) và (16) chỉ áp dụng đối với những trường hợp xuất trả nguyên vật liệu đủ điều kiện được hoàn thuế nhập khẩu
- (3). Lượng NL, VT tồn cuối kỳ tại cột (17) = Lượng NL, VT nhập khẩu tại cột (5) hoặc lượng NL, VT tồn đầu kỳ chưa quyết toán tại cột (6) . Lượng NL, VT sử dụng sản xuất SP xuất khẩu tại cột (14) - Lượng NL, vật tư xuất trả tại cột 16.

Mẫu 44/BKCR/2013
BẢNG KÊ TẠM NHẬP HOẶC TẠM XUẤT CONTAINER RỖNG

1. Người khai hải quan:..... (ghi tên, địa chỉ, mã số thuế);
2. Hợp đồng (nếu có) số:.....
3. Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai:.....
4. Thời hạn đăng ký: Ngày tạm nhập:...../...../..... Ngày tái xuất:...../...../.....
5. Thời hạn đăng ký: Ngày tạm xuất:...../...../..... Ngày tái nhập:...../...../.....

Số lượng container tạm nhập hoặc tạm xuất		Container tái xuất hoặc tái nhập						Số lượng container chưa tái xuất hoặc tái nhập			Người khai hải quan	Công chức hải quan
20 feet	40 feet	20 feet		40 feet		Loại khác		20 feet	40 feet	loại khác	(kỹ, ghi rõ họ tên)	(kỹ, đóng dấu công chức)
		Ngày	Số lượng	Ngày	Số lượng	Ngày	Số lượng					
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)

Ngày... tháng... năm...

(16) HQ xác nhận thanh khoản

(Ký, đóng dấu công chức)

Ngày... tháng... năm...

(15) Người khai hải quan

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng:

- Bảng kê này dùng chung, khi khai tạm nhập thì gạch bỏ chữ tạm xuất và ngược lại;
- Cột (1), (2), (3): Người khai hải quan ghi tổng số container từng loại khi tạm nhập hoặc tạm xuất, ký vào mục (15);
- Các cột (4), (5), (6), (7), (8) và (9): Người khai hải quan khai số lượng container tái xuất hoặc tái nhập từng lần; số lượng còn lại cột (10), (11), (12) và ký vào cột (13);
- Cột (14) công chức hải quan ký xác nhận từng lần theo nội dung khai của người khai hải quan từ cột (4) đến cột (12);
- Khi số lượng container tạm nhập - tái xuất hết hoặc tạm xuất - tái nhập hết thì công chức hải quan ký xác nhận tại mục (16).

Mẫu số 45/BC-KNQ/2013

TÊN CHỦ KHO NGOẠI QUAN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày.... tháng.... năm.....

BÁO CÁO

**Về thực trạng hàng hóa trong kho và tình hình hoạt động của
 kho ngoại quan từ ngày..../..../..... đến ngày..../..../.....)**

I. Tình hình hoạt động của kho ngoại quan**II. Số liệu báo cáo**

1. Số liệu hàng hóa đưa vào, đưa ra kho ngoại quan:

Loại hình	Lượng hàng	ĐVT	Trị giá (USD)	Mặt hàng chủ yếu
Từ nước ngoài đưa vào kho				
Từ nội địa đưa vào kho				
Từ kho đưa ra nước ngoài				
Từ kho đưa vào nội địa				
Từ kho này chuyển sang kho khác				
Hàng còn tồn kho				

2. Tình hình thanh lý hợp đồng thuê kho:

Chủ hàng hóa gửi kho	Số lượng hợp đồng ký mới	Lũy kế	Đã thanh lý	Chưa thanh lý	
				Trong hạn	Quá hạn
Nước ngoài					
Trong nước					

3. Tình hình vi phạm pháp luật hải quan:

+ Tên Đơn vị vi phạm:

+ Hành vi vi phạm:

+ Hình thức xử phạt:

III. Vướng mắc, kiến nghị**Nơi nhận:**

- Cục Hải quan...

- Chi cục Hải quan (quản lý kho)...

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 46/BBBG-CCK/2013

TỔNG CỤC HẢI QUAN
CỤC HẢI QUAN:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chi cục Hải quan:.....

Số:...../HQ-BBBG

BIÊN BẢN BÀN GIAO HÀNG CHUYỂN CỬA KHẨU

Hồi.... giờ.... phút, ngày... tháng... năm 20...., Chi cục Hải quan.....
số điện thoại..... số fax..... bàn giao cho ông (bà).....

Đại diện của Công ty.....; Lô hàng thuộc tờ khai số:.....
để chuyển đến Chi cục Hải quan..... gồm:

1. Hồ sơ chuyển cửa khẩu

a) Tờ khai hải quan:..... bản chính;

b) Đơn đề nghị chuyển cửa khẩu:..... bản chính (đối với hàng NK);

2. Hàng hóa

STT	SỐ HIỆU CONTAINER HOẶC BIÊN KIỂM SOÁT XE CHUYÊN DỤNG	SỐ SEAL HÃNG VẬN TẢI	SỐ SEAL HẢI QUAN	SỐ LƯỢNG KIỆN ĐÃ NIÊM PHONG
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

Tình trạng xe container/xe chuyên dụng/hàng hóa.....

Biên bản về tình trạng container/xe chuyên dụng/hàng hóa (nếu có),
số.....

Thời gian vận chuyển.....; Tuyến đường vận chuyển:.....; Km.....

Ngày, giờ xuất phát:.....

Ngày, giờ đến:.....

Các vấn đề khác có liên quan đến hàng hóa và hồ sơ hải quan:.....

**NGƯỜI KHAI HQ/
NGƯỜI VẬN CHUYỂN**
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHI CỤC HQ NGOÀI CK
(Ký, đóng dấu số hiệu
công chức)

CHI CỤC HQ CỬA KHẨU
(Ký, đóng dấu số hiệu
công chức)

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

1. Cách ghi các tiêu chí trên Biên bản bàn giao:

a) Tiêu chí “Lô hàng thuộc tờ khai:...”: Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm của tờ khai;

b) Tiêu chí về hồ sơ hải quan (điểm 1):

Căn cứ các chứng từ chuyển cửa khẩu mà Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu phải chuyển cho Chi cục Hải quan cửa khẩu và ngược lại đối với từng trường hợp để ghi cho phù hợp.

c) Tiêu chí về hàng hóa (điểm 2):

- Chi cục Hải quan nơi lập Biên bản bàn giao ghi đầy đủ các tiêu chí nêu tại các cột, mục của điểm 2 (đối với hàng xuất khẩu trường hợp nào chưa có seal hăng vận tải thì cột (3) không ghi);

- Riêng đối với hàng xuất khẩu miễn kiểm tra thì chỉ thực hiện bàn giao hồ sơ chuyển cửa khẩu của lô hàng;

- Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện niêm phong từng kiện hàng thì tại cột (5) ghi cụ thể số lượng kiện đã được niêm phong;

- Về tuyến đường, thời gian vận chuyển: Chi cục Hải quan lập Biên bản căn cứ vào Đơn của người khai hải quan/người vận chuyển để ghi nội dung này;

- Về ngày, giờ xuất phát: Chi cục Hải quan nơi lập Biên bản bàn giao ghi nội dung này;

- Về ngày, giờ đến: Chi cục Hải quan nơi nhận Biên bản bàn giao ghi nội dung này;

- Tại mục “Các vấn đề khác có liên quan đến hàng hóa và hồ sơ hải quan”: Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập cần lưu ý cho Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu biết về mã số, thuế suất, giá tính thuế đối với lô hàng nhập khẩu đơn vị đã từng làm hoặc đã biết (nếu cần phải lưu ý).

d) Mục Chi cục Hải quan cửa khẩu, Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu (ký, đóng dấu số hiệu công chức): Người ký là công chức được lãnh đạo Chi cục phân công.

2. Cách thực hiện:

Khi lập Biên bản bàn giao hàng hóa chuyển cửa khẩu, Chi cục Hải quan nơi lập phải ghi đầy đủ, cụ thể các tiêu chí tại Biên bản bàn giao; ghi rõ giờ/ngày/tháng/năm lập Biên bản bàn giao; số điện thoại, số fax để thuận tiện cho việc trao đổi thông tin giữa các đơn vị Hải quan.

Chi cục Hải quan nơi nhận khi làm thủ tục chuyển cửa khẩu cho các lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu nếu phát hiện trên Biên bản bàn giao không ghi đầy đủ các thông tin theo hướng dẫn thì yêu cầu Chi cục Hải quan nơi lập cung cấp bổ sung.

Trường hợp trên Biên bản bàn giao cung cấp thiếu thông tin, công chức hải quan phát hiện lô hàng có dấu hiệu nghi vấn ảnh hưởng đến việc quyết định hình thức, mức độ kiểm tra thì báo cáo lãnh đạo Chi cục để có biện pháp xử lý kịp thời, đồng thời thông báo cho Chi cục Hải quan liên quan biết.

Mẫu 47/BKCCCK-KNQ/CFS/2013**CHỦ KHO CFS/CHỦ HÀNG KNQ.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../KNQ/CFS

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**BẢNG KÊ DANH MỤC HÀNG HÓA XUẤT KHẨU CHUYỂN TỪ KHO NGOẠI QUAN/CFS
RA CỬA KHẨU XUẤT**

STT	Số ký hiệu ngày tờ khai	Tên hàng	Lượng hàng	Tên, địa chỉ doanh nghiệp	Đơn vị làm thủ tục hải quan	Số cont	Số seal hàng tàu	Số seal hải quan
(1)	(2)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

CHỦ KHO/CHỦ HÀNG KNQ/CFS*(Ký, ghi rõ họ tên)***HẢI QUAN QUẢN LÝ KNQ/CFS***(Ký, đóng dấu công chức)***HẢI QUAN CỬA KHẨU XUẤT***(Ký, đóng dấu công chức)*

- *Ghi chú:* Người ký là công chức do lãnh đạo Chi cục phân công.

Mẫu số 48/TĐ-CKX/2013**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI CỬA KHẨU XUẤT HÀNG**

Kính gửi: Chi cục Hải quan..... thuộc Cục Hải quan.....

Tên doanh nghiệp:.....; địa chỉ:.....; mã số doanh nghiệp:..... đã đăng ký tờ khai xuất khẩu số..... ngày..... tháng..... năm tại Chi cục Hải quan....., cửa khẩu xuất ghi trên tờ khai là.....

Căn cứ văn bản cho phép số (1)..... ngày..... tháng..... năm của.....; thông báo của....., Công ty đề nghị được thay đổi cửa khẩu xuất hàng, cụ thể như sau:

- Tên cửa khẩu xuất mới:..... thuộc Cục Hải quan.....
- Lý do thay đổi:.....
- Tuyến đường vận chuyển:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc doanh nghiệp

(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu)

Ý kiến của Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai xuất khẩu:

Căn cứ khoản 10 Điều 61 Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính, Chi cục Hải quan..... thuộc Cục Hải quan..... đề nghị Chi cục Hải quan..... thuộc Cục Hải quan..... làm thủ tục chuyển cửa khẩu lô hàng nêu trên đến Chi cục Hải quan..... thuộc Cục Hải quan..... để làm thủ tục xuất khẩu theo đề nghị của doanh nghiệp.

Ghi chú: (1) Trường hợp thuộc đối tượng hàng hóa xuất khẩu phải có giấy phép hoặc đối tượng cho phép xuất hàng qua cửa khẩu mới của UBND tỉnh thì kê khai.

Mẫu: 49/TL-KNQ/2013

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày... tháng... năm....

ĐƠN XIN THÀNH LẬP KHO NGOẠI QUAN

Kính gửi:

- Tổng cục Hải quan;
- Cục Hải quan tỉnh, TP....

1. Doanh nghiệp xin thành lập kho ngoại quan

- Tên doanh nghiệp:..... Mã số thuế:.....
- Trụ sở chính tại:.....
- Số điện thoại:..... Số fax:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:..... ngày..... tháng..... năm.....;
- Cơ quan cấp:.....
- Ngành nghề kinh doanh:..... (chỉ kê ngành nghề kinh doanh liên quan đến điều kiện thành lập kho ngoại quan).

2. Xin thành lập kho ngoại quan tại:.....**3. Khu vực kho ngoại quan có diện tích:..... m².**

Khu vực kho ngoại quan gồm:

Số lượng kho:..... Tổng diện tích kho:.....m².- Diện tích bãi:..... m².- Văn phòng làm việc của Hải quan kho:.....m².**4. Hồ sơ kèm theo đơn**

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 01 bản sao (công chứng);
- Chứng từ hợp pháp về quyền sử dụng kho, bãi: 01 bản sao (công chứng);
- Sơ đồ thiết kế khu vực kho, bãi: 01 bản chính ;

Cam đoan các nội dung trên là đúng. Cam kết chấp hành và thực hiện đúng các quy định pháp luật về hoạt động kho ngoại quan.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 50/TL-KBT/2013

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày... tháng... năm....

ĐƠN XIN THÀNH LẬP KHO BẢO THUẾ

Kính gửi: Cục Hải quan tỉnh, TP....

1. Doanh nghiệp xin thành lập kho bảo thuế

- Tên doanh nghiệp:..... Mã số thuế:.....

- Trụ sở chính tại:.....

- Số điện thoại:..... Số fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:..... ngày..... tháng..... năm.....;

Cơ quan cấp:.....

Ngành nghề kinh doanh:..... (chỉ kê ngành nghề kinh doanh liên quan đến điều kiện thành lập kho bảo thuế).

2. Xin thành lập kho bảo thuế:.....**3. Khu vực kho bảo thuế có diện tích:**..... m².

Khu vực kho bảo thuế gồm:

Số lượng kho:..... Tổng diện tích kho:..... m².**4. Hồ sơ kèm theo đơn**

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 01 bản sao (công chứng);

- Chứng từ hợp pháp về quyền sử dụng kho, kỹ thuật, hạ tầng, phần mềm quản lý, camera giám sát,... kèm sơ đồ thiết kế khu vực kho bảo thuế: 01 bản sao (công chứng).

- Sơ đồ thiết kế khu vực kho thể hiện rõ đường ranh giới ngăn cách với bên ngoài, vị trí các kho hàng, hệ thống đường vận chuyển nội bộ, hệ thống phòng chống cháy, nổ, bảo vệ, văn phòng kho: 01 bản chính.

Cam đoan các nội dung trên là đúng. Cam kết chấp hành và thực hiện đúng các quy định pháp luật về hoạt động kho ngoại quan.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Mẫu 51/PTVTĐB/TN-TX/2013****TỜ KHAI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ TẠM NHẬP - TÁI XUẤT**

(CUSTOMS DECLARATION FOR TEMPORARY IMPORT

AND RE - EXPORT MEANS OF TRANSPORTATION)

(Liên 1: Bản giao người điều khiển phương tiện/Copy 1: For the operator of means of transportation)**Số tờ khai (Declaration No.):/TN/HQCK....., Ngày (date-d/m/y) :...../...../20.....**

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
A. Người điều khiển phương tiện/Driver's Detail: - Họ và tên/Full name:.....; - Quốc tịch/Nationality:.....; - Hộ chiếu số/Passport No:.....; - Giấy thông hành số/Border Pass No:.....; + Ngày cấp/Issue Date:.....; + Nơi cấp/Issue Place:.....; - Địa chỉ/Address: B. Nhận dạng phương tiện/Detail of means of transportation: - Loại /Type: - Nhãn hiệu/Label or mark:.....; - Biển kiểm soát số/Licence Plate No:.....; - Nước đăng ký/Registering Country:.....; - Màu/color:.....; - Số chỗ ngồi/seats:.....; - Số khung/Chassis Serial No.:.....; - Số máy/Engine Serial No.:.....; C. Chủ sở hữu phương tiện/Owner of means of transportation: Khai báo, nếu người điều khiển không là chủ sở hữu phương tiện (gồm: cá nhân, công ty, cơ quan)/Full in, if Driver is not the Owner of means of transportation (included: private, company, organization) + Họ và tên/Full name:.....; + Quốc tịch/Nationality:.....; + Địa chỉ/Address:.....; D. Giấy phép cho PTVT qua biên giới/Permitted Document of means of transportation: - Giấy phép qua biên giới số/Transit No:.....; - Ngày cấp/Issue date:.....; - Cơ quan cấp/Issue by:.....; - Thời hạn cho phép/Duration Allowed for being in Việt Nam: ngày/date; Ngày tái xuất/Re-exportation date:.....; - Phạm vi hoạt động/Travelling Area:.....; - Cửa khẩu tái xuất/Exit Checkpoint:.....; E. Mục đích vào Việt Nam (Purpose of Entering Viet Nam): ☐ Du lịch ☐ Vận chuyển hàng ☐ Công vụ ☐ Khác ☐ Tourist ☐ Commodity transport ☐ Official ☐ Other Ngày (date-d/m/y):...../...../20..... Người điều khiển/Driver Ký/Signature Ghi chú/Note: khai bổ sung (nếu có) ở trang sau/supplemental Declaration (if any) in verso.	I. TẠM NHẬP (TEMPORARY-IMPORT) 1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver) ☐ Miễn kiểm tra; ☐ Kiểm tra phương tiện vận tải; Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) 2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation) ☐ Biên bản vi phạm (nếu có); Kết quả:.....; Phương tiện qua cửa khẩu hồi: giờ..... ngày...../...../20..... Ký, đóng dấu công chức: (Signature and stamp) II. TÁI XUẤT (RE-EXPORT) 1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver) - Cửa khẩu tái xuất:.....; - Ngày:...../...../20..... ☐ Miễn kiểm tra; ☐ Kiểm tra phương tiện vận tải; ☐ Khai bổ sung (nếu có). Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) 2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation) ☐ Biên bản vi phạm (nếu có); Kết quả:.....; Phương tiện qua cửa khẩu hồi: giờ..... ngày...../...../20..... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)

Mẫu 51/PTVTĐB/TN-TX/2013

PHẦN KHAI BỐ SUNG PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI
(SUPPLEMENTAL DECLARATION FOR MEANS OF TRANSPORTATION)

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
1. Thay đổi so với tạm nhập/tạm xuất (nếu có) (Changes made to the means of transportation (if any)): a) Thay người điều khiển PTVT (Change made to Operator of means of transportation): ☐ - Họ và tên/Full name:.....; - Quốc tịch/Nationality:.....; - Địa chỉ thường trú/Permanent residential address:.....; - Số Hộ chiếu hoặc Giấy thông hành:....., (Passport or Border-pass No.) + Ngày cấp (date of issue-d/m/y):...../...../20..... b) Gia hạn thời hạn lưu hành PTVT (Extension of operation of means of transportation): ☐ - Văn bản gia hạn số:....., (No of permitted document allowing such extension) + Được phép lưu hành đến hết ngày:...../...../20....., (Duration of operation extended to) + Cơ quan gia hạn:....., (Authority allowing such extension): + Ngày cấp (date-d/m/y):...../...../20..... - Lý do gia hạn:(Reason(s) for such extension) + Sửa chữa (repair) ☐ + Tai nạn giao thông (accidents) ☐ + Lý do khác (other):..... Ngày (date-d/m/y)...../...../ 20..... Người khai báo (Customs declarant) Ký (Signature) Ghi rõ họ tên (Full name) 	2. Xác nhận của công chức tiếp nhận: (Authentication of customs documents receiver) - Về hồ sơ (Of dossiers)..... + Ngày (Date):...../...../ 20.... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)

**Mẫu 52/PTVTĐB/TX-TN/2013****TỜ KHAI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ TẠM XUẤT - TÁI NHẬP**

(CUSTOMS DECLARATION FOR TEMPORARY EXPORT

AND RE - IMPORT MEANS OF TRANSPORTATION)

(Liên 1: Bản giao người điều khiển phương tiện/Copy 1: For the operator of means of transportation)**Số tờ khai (Declaration No.):/TX/HQCK....., Ngày (date-d/m/y) :...../...../20.....**

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
A. Người điều khiển phương tiện/Driver's Detail: - Họ và tên/Full name:.....; - Quốc tịch/Nationality:.....; - Hộ chiếu số/Passport No:.....; - Giấy thông hành số/Border Pass No:.....; + Ngày cấp/Issue Date:.....; + Nơi cấp/Issue Place:.....; - Địa chỉ/Address: B. Nhận dạng phương tiện/Detail of means of transportation: - Loại/Type:.....; - Nhãn hiệu/Label or mark:.....; - Biển kiểm soát số/Licence Plate No:.....; - Nước đăng ký/Registering Country:.....; - Màu/color:.....; - Số chỗ ngồi/seats:.....; - Số khung/Chassis Serial No.:.....; - Số máy/Engine Serial No.:.....; C. Chủ sở hữu phương tiện/Owner of means of transportation: Khai báo, nếu người điều khiển không là chủ sở hữu phương tiện (gồm: cá nhân, công ty, cơ quan)/ Full in, if Driver is not the Owner of means of transportation (included: private, company, organization) + Họ và tên/Full name:.....; + Quốc tịch/Nationality:.....; + Địa chỉ/Address:.....; D. Giấy phép cho PTVT qua biên giới/Permitted Document of means of transportation: - Giấy phép qua biên giới số/Transit No:.....; - Ngày cấp/Issue date:.....; - Cơ quan cấp/Issue by:.....; - Thời hạn cho phép/Duration Allowed for going out Viet Nam: ngày/date; Ngày tái nhập/Re-importation date:.....; - Phạm vi hoạt động/Travelling Area:.....; - Cửa khẩu tái nhập/Entry Checkpoint:.....; E. Mục đích ra khỏi Việt Nam (Purpose of going out Viet Nam): ☐ Du lịch ☐ Vận chuyển hàng ☐ Công vụ ☐ Khác ☐ Tourist ☐ Commodity transport ☐ Official ☐ Other Ngày (date-d/m/y):...../...../20..... Người điều khiển/Driver Ký/Signature Ghi chú/Note: Khai bổ sung (nếu có) ở trang sau/ Supplemental Declaration (if any) in verso.	I. TẠM XUẤT (TEMPORARY-EXPORT) 1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver) ☐ Miễn kiểm tra; ☐ Kiểm tra phương tiện vận tải; Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) 2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation) ☐ Biên bản vi phạm (nếu có); Kết quả:.....; Phương tiện qua cửa khẩu hồi: giờ..... ngày...../...../20..... Ký, đóng dấu công chức: (Signature and stamp) II. TÁI NHẬP (RE-IMPORT) 1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver) - Cửa khẩu tái nhập:.....; - Ngày:...../...../20..... ☐ Miễn kiểm tra; ☐ Kiểm tra phương tiện vận tải; ☐ Khai bổ sung (nếu có). Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) 2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation) ☐ Biên bản vi phạm (nếu có); Kết quả:.....; Phương tiện qua cửa khẩu hồi: giờ..... ngày...../...../20..... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)

Mẫu 52/PTVTĐB/TX-TN/2013

PHẦN KHAI BỐ SUNG PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI
(SUPPLEMENTAL DECLARATION FOR MEANS OF TRANSPORTATION)

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
1. Thay đổi so với tạm nhập/tạm xuất (nếu có) (Changes made to the means of transportation (if any)): a) Thay người điều khiển PTVT (Change made to Operator of means of transportation): ☐ - Họ và tên/Full name:.....; - Quốc tịch/Nationality:.....; - Địa chỉ thường trú/Permanent residential address:.....; - Số Hộ chiếu hoặc Giấy thông hành:....., (Passport or Border-pass No.) + Ngày cấp (date of issue-d/m/y):...../...../20..... b) Gia hạn thời hạn lưu hành PTVT (Extension of operation of means of transportation): ☐ - Văn bản gia hạn số:....., (No of permitted document allowing such extension) + Được phép lưu hành đến hết ngày:...../...../20....., (Duration of operation extended to) + Cơ quan gia hạn:....., (Authority allowing such extension): + Ngày cấp (date-d/m/y):...../...../20..... - Lý do gia hạn:(Reason(s) for such extension) + Sửa chữa (repair) ☐ + Tai nạn giao thông (accidents) ☐ + Lý do khác (other):..... Ngày (date-d/m/y)...../...../ 20..... Người khai báo (Customs declarant) Ký (Signature) Ghi rõ họ tên (Full name) 	2. Xác nhận của công chức tiếp nhận: (Authentication of customs documents receiver) - Về hồ sơ (Of dossiers)..... + Ngày (Date):...../...../ 20.... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)

**Mẫu 53/PTVTĐS/TN-TX/2013**

TỜ KHAI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG SÔNG TẠM NHẬP - TÁI XUẤT
(CUSTOMS DECLARATION FOR TEMPORARY IMPORT
AND RE-EXPORT MEANS OF TRANSPORTATION)

(Liên 1: Bản giao người điều khiển phương tiện/Copy 1: For the Skipper/Master of ship)

Số tờ khai (Declaration No.):/TN/HQCK....., Ngày (date-d/m/y) :...../...../20.....

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
A. Người điều khiển phương tiện/Skipper/Master's Detail: - Họ và tên/Full name:.....; - Quốc tịch/Nationality:.....; - Hộ chiếu số/Passport No:.....; - Giấy thông hành số/Border Pass No:.....; + Ngày cấp/Issue Date:.....; + Nơi cấp/Issue Place:.....; - Địa chỉ/Address: B. Nhận dạng phương tiện/Detail of means of transportation: - Loại/Type: - Nhãn hiệu/Label or mark:.....; - Biển kiểm soát số/Licence Plate No:.....; - Nước đăng ký/Registering Country:.....; - Tải trọng/Loading Capacity:.....; C. Chủ sở hữu phương tiện/Owner of means of transportation: Khai báo, nếu người điều khiển không là chủ sở hữu phương tiện (gồm: cá nhân, công ty, cơ quan)/Full in, if Master is not the Owner of means of transportation (included: private, company, organization) + Họ và tên/Full name:.....; + Quốc tịch/Nationality:.....; + Địa chỉ/Address:.....; D. Giấy phép cho PTVT qua biên giới/Permitted Document of means of transportation: - Giấy phép qua biên giới số/Transit No:.....; - Ngày cấp/Issue date:.....; - Cơ quan cấp/Issue by:.....; - Thời hạn cho phép/Duration Allowed for being in Việt Nam: ngày/date; Ngày tái xuất/Re-exportation date:.....; - Phạm vi hoạt động/Travelling Area:.....; - Cửa khẩu tái xuất/Exit Checkpoint:.....; E. Mục đích vào Việt Nam (Purpose of Entering Viet Nam): ☐ Vận chuyển hàng ☐ Chở hành khách ☐ Khác ☐ Commodity transport ☐ Passengers transport ☐ Other Ngày (date-d/m/y):...../...../20..... Người điều khiển/Skipper/Master Ký/Signature Ghi chú/Note: Khai bổ sung (nếu có) ở trang sau/supplemental Declaration (if any) in verso.	I. TẠM NHẬP (TEMPORARY-IMPORT) 1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver) ☐ Miễn kiểm tra; ☐ Kiểm tra phương tiện vận tải. Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) 2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation) ☐ Biên bản vi phạm (nếu có); Kết quả:.....; Phương tiện qua cửa khẩu hồi: giờ..... ngày...../...../20..... Ký, đóng dấu công chức: (Signature and stamp) II. TÁI XUẤT (RE-EXPORT) 1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver) - Cửa khẩu tái xuất:.....; - Ngày:...../...../20..... ☐ Miễn kiểm tra; ☐ Kiểm tra phương tiện vận tải; ☐ Khai bổ sung (nếu có). Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) 2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation) ☐ Biên bản vi phạm (nếu có); Kết quả:.....; Phương tiện qua cửa khẩu hồi: giờ..... ngày...../...../20..... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)

Mẫu 53/PTVTĐS/TN-TX/2013

PHẦN KHAI BỔ SUNG PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI
(SUPPLEMENTAL DECLARATION FOR MEANS OF TRANSPORTATION)

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
1. Thay đổi so với tạm nhập/tạm xuất (nếu có) (Changes made to the means of transportation (if any)): a) Thay người điều khiển PTVT (Change made to Operator of means of transportation): ☐ - Họ và tên/Full name:.....; - Quốc tịch/Nationality:.....; - Địa chỉ thường trú/Permanent residential address:.....; - Số Hộ chiếu hoặc Giấy thông hành:....., (Passport or Border-pass No.) + Ngày cấp (date of issue-d/m/y):...../...../20..... b) Gia hạn thời hạn lưu hành PTVT (Extension of operation of means of transportation): ☐ - Văn bản gia hạn số:....., (No of permitted document allowing such extension) + Được phép lưu hành đến hết ngày:...../...../20....., (Duration of operation extended to) + Cơ quan gia hạn:....., (Authority allowing such extension): + Ngày cấp (date-d/m/y):...../...../20..... - Lý do gia hạn: (Reason(s) for such extension) + Sửa chữa (repair) ☐ + Tai nạn giao thông (accidents) ☐ + Lý do khác (other):..... Ngày (date-d/m/y)...../...../ 20..... Người khai báo (Customs declarant) Ký (Signature) Ghi rõ họ tên (Full name) 	2. Xác nhận của công chức tiếp nhận: (Authentication of customs documents receiver) - Về hồ sơ (Of dossiers)..... + Ngày (Date):...../...../ 20.... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)

**Mẫu 54/PTVTĐS/TX-TN/2013****TỜ KHAI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG SÔNG TẠM XUẤT - TÁI NHẬP**

(CUSTOMS DECLARATION FOR TEMPORARY EXPORT

AND RE - IMPORT MEANS OF TRANSPORTATION)

(Liên 1: Bản giao người điều khiển phương tiện/Copy 1: For the Skipper/Master of ship)

Số tờ khai (Declaration No.):/TX/HQCK....., Ngày (date-d/m/y) :...../...../20.....

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
A. Người điều khiển phương tiện/Skipper/Master's Detail: - Họ và tên/Full name:.....; - Quốc tịch/Nationality:.....; - Hộ chiếu số/Passport No:.....; - Giấy thông hành số/Border Pass No:.....; + Ngày cấp/Issue Date:.....; + Nơi cấp/Issue Place:.....; - Địa chỉ/Address:.....; B. Nhận dạng phương tiện/Detail of means of transportation: - Loại/Type:.....; - Nhãn hiệu/Label or mark:.....; - Biển kiểm soát số/Licence Plate No:.....; - Nước đăng ký/Registering Country:.....; - Tải trọng/Loading Capacity:.....; C. Chủ sở hữu phương tiện/Owner of means of transportation: Khai báo, nếu người điều khiển không là chủ sở hữu phương tiện (gồm: cá nhân, công ty, cơ quan)/Full in, if Master is not the Owner of means of transportation (included: private, company, organization) + Họ và tên/Full name:.....; + Quốc tịch/Nationality:.....; + Địa chỉ/Address:.....; D. Giấy phép cho PTVT qua biên giới/Permitted Document of means of transportation: - Giấy phép qua biên giới số/Transit No:.....; - Ngày cấp/Issue date:.....; - Cơ quan cấp/Issue by:.....; - Thời hạn cho phép/Duration Allowed for going out Viet Nam:..... ngày/date; Ngày tái nhập/Re-importation date:.....; - Phạm vi hoạt động/Travelling Area:.....; - Cửa khẩu tái nhập/Entry Checkpoint:.....; E. Mục đích ra khỏi Việt Nam (Purpose of going out Viet Nam): ☐ Vận chuyển hàng ☐ Chở hành khách ☐ Khác ☐ Commodity transport ☐ Passengers transport ☐ Other Ngày (date-d/m/y)...../...../20..... Người điều khiển/Skipper/Master Ký/Signature Ghi chú/Note: Khai bổ sung (nếu có) ở trang sau/ Supplemental Declaration (if any) in verso.	I. TẠM XUẤT (TEMPORARY-EXPORT) 1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver) ☐ Miễn kiểm tra; ☐ Kiểm tra phương tiện vận tải. Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) 2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation) ☐ Biên bản vi phạm (nếu có); Kết quả:.....; Phương tiện qua cửa khẩu hồi: giờ..... ngày...../...../20..... Ký, đóng dấu công chức: (Signature and stamp) II. TÁI NHẬP (RE-IMPORT) 1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver) - Cửa khẩu tái xuất:.....; - Ngày:...../...../20..... ☐ Miễn kiểm tra; ☐ Kiểm tra phương tiện vận tải; ☐ Khai bổ sung (nếu có). Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) 2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation) ☐ Biên bản vi phạm (nếu có); Kết quả:.....; Phương tiện qua cửa khẩu hồi: giờ..... ngày...../...../20..... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)

Mẫu 54/PTVTĐS/TX-TN/2013

PHẦN KHAI BỔ SUNG PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI
(SUPPLEMENTAL DECLARATION FOR MEANS OF TRANSPORTATION)

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
1. Thay đổi so với tạm nhập/tạm xuất (nếu có) (Changes made to the means of transportation (if any)): a) Thay người điều khiển PTVT (Change made to Operator of means of transportation): ☐ - Họ và tên/Full name:.....; - Quốc tịch/Nationality:.....; - Địa chỉ thường trú/Permanent residential address:.....; - Số Hộ chiếu hoặc Giấy thông hành:....., (Passport or Border-pass No.) + Ngày cấp (date of issue-d/m/y):...../...../20..... b) Gia hạn thời hạn lưu hành PTVT (Extension of operation of means of transportation): ☐ - Văn bản gia hạn số:....., (No of permitted document allowing such extension) + Được phép lưu hành đến hết ngày:...../...../20....., (Duration of operation extended to) + Cơ quan gia hạn:....., (Authority allowing such extension): + Ngày cấp (date-d/m/y):...../...../20..... - Lý do gia hạn: (Reason(s) for such extension) + Sửa chữa (repair) ☐ + Tai nạn giao thông (accidents) ☐ + Lý do khác (other):..... Ngày (date-d/m/y)...../...../ 20..... Người khai báo (Customs declarant) Ký (Signature) Ghi rõ họ tên (Full name) 	2. Xác nhận của công chức tiếp nhận: (Authentication of customs documents receiver) - Về hồ sơ (Of dossiers)..... + Ngày (Date):...../...../ 20.... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)

BẢN TRÍCH LƯỢC KHAI HÀNH HÓA DỖ XUỐNG TỪNG GA LIÊN VẬN NỘI ĐỊA

[illegible]

Ngày..... tháng..... năm 20.....

(2) Hải quan ga liên vận biên giới
(Ký tên, đóng dấu công chức)

(1) Người lập bản trích
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu 57/HSHT-KTT/SXXK/2013

BẢNG BÁO CÁO QUYẾT TOÁN SỬ DỤNG NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ NHẬP KHẨU

Tên Doanh nghiệp:
Mã số doanh nghiệp:
Số hồ sơ:

; Địa chỉ:

STT	Tên/Mã nguyên liệu, vật tư	Nguyên liệu, vật tư (NL, VT) nhập khẩu				Nguyên liệu, vật tư đã sử dụng sản xuất sản phẩm xuất khẩu				NL, VT xuất trả lại		Lượng NL, VT tồn cuối kỳ	Chuyển theo dõi tiếp	Chuyển mục đích khác						
		Tờ khai nhập khẩu				Tên/ Mã sản phẩm xuất khẩu	Tờ khai xuất khẩu		Định mức NL, VT (kể cả hao hụt)/ đơn vị sản phẩm	Lượng NL, VT sử dụng sản xuất SP XK	Tờ khai xuất khẩu (số; ký hiệu; ngày đăng ký)				Lượng NL, VT xuất trả lại					
		Số; ký hiệu; ngày đăng ký	Ngày hoàn thành thủ tục	Lượng NL, VT tồn đầu kỳ chưa quyết toán	Đơn vị tính															
							Ngày hoàn thành thủ tục	Lượng sản phẩm xuất khẩu								Đơn vị tính				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)			(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)		(15)	(16)	(17)	(18)

Ngày... tháng... năm...

Công chức hải quan kiểm tra, đối chiếu

(Ký tên, đóng dấu công chức)

Ngày... tháng... năm....

Giám đốc doanh nghiệp

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Cột (6) chỉ áp dụng đối với những tờ khai nhập khẩu NL, VT quyết toán làm nhiều lần; lượng NL, VT tồn đầu kỳ chưa quyết toán của lần quyết toán sau là lượng NL, VT tồn cuối kỳ của lần quyết toán trước
- (2) Cột (15) và (16) chỉ áp dụng đối với những trường hợp xuất trả nguyên vật liệu đủ điều kiện được hoàn thuế nhập khẩu
- (3) Lượng NL, VT tồn cuối kỳ tại cột (17) = Lượng NL, VT nhập khẩu tại cột (5) hoặc lượng NL, VT tồn đầu kỳ chưa quyết toán tại cột (6) - Lượng NL, VT sử dụng sản xuất SP xuất khẩu tại cột (14) - Lượng NL, vật tư xuất trả tại cột 16.

**Mẫu số 59/TB-TTN-TCN1/2013 - Thông báo tiền thuế nợ
và tiền chậm nộp cho người nộp thuế**

.....⁽¹⁾ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-⁽²⁾.....

.....⁽³⁾, ngày... tháng... năm.....

THÔNG BÁO
Về tiền thuế nợ và tiền chậm nộp

Kính gửi: ⁽⁴⁾.....

Chi cục Hải quan..... thông báo:

1.....⁽⁴⁾ còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp của các tờ khai hải quan mở tại Chi cục Hải quan..... là..... đồng.

(Chi tiết theo bảng kê đính kèm)

2. Yêu cầu.....⁽⁴⁾ nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp của các tờ khai (theo bảng kê nêu trên) vào tài khoản số..... mở tại Kho bạc Nhà nước.....

Quá thời hạn quy định mà.....⁽⁴⁾ không thực hiện việc nộp tiền thuế, tiền chậm nộp theo thông báo này thì cơ quan hải quan sẽ áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân được thông báo 01 bản;
- 01 bản;
- Lưu..... bản;

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Dòng trên ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp, dòng dưới ghi tên cơ quan ra thông báo;

⁽²⁾ Ghi chữ viết tắt tên cơ quan ra thông báo;

⁽³⁾ Ghi địa danh hành chính;

⁽⁴⁾ Ghi tên người nộp thuế còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp.

**Mẫu số 60/TB-TTN-TCN2/2013 - Thông báo tiền thuế nợ
và tiền chậm nộp cho tổ chức**

.....⁽¹⁾ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-⁽²⁾.....

.....⁽³⁾, ngày... tháng... năm.....

THÔNG BÁO
Về tiền thuế nợ và tiền chậm nộp

Kính gửi: ⁽⁴⁾.....

Chi cục Hải quan..... thông báo:

1.....⁽⁴⁾ nhận bảo lãnh số tiền thuế theo văn bản bảo lãnh số.....
ngày... tháng... năm

Đơn vị được bảo lãnh là: ⁽⁵⁾

Đến nay.....⁽⁵⁾ còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp của các tờ khai hải
quan mở tại Chi cục Hải quan..... là.....đồng.

(Chi tiết theo bảng kê đính kèm)

2. Yêu cầu.....⁽⁴⁾ nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp của các tờ khai
(theo bảng kê nêu trên) vào tài khoản số..... mở tại Kho bạc
Nhà nước.....

Quá thời hạn quy định mà.....⁽⁴⁾ không thực hiện việc nộp tiền
thuế, tiền chậm nộp theo Thông báo này thì cơ quan Hải quan sẽ áp dụng các biện
pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân được thông báo 01 bản;
- 01 bản;
- Lưu..... bản;

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Dòng trên ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp, dòng dưới ghi tên cơ
quan ra thông báo;

⁽²⁾ Ghi chữ viết tắt tên cơ quan ra thông báo;

⁽³⁾ Ghi địa danh hành chính;

⁽⁴⁾ Ghi tên tổ chức bảo lãnh;

⁽⁵⁾ Ghi tên người xuất nhập khẩu được bảo lãnh.

Phụ lục IV**TỜ KHAI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU - NHẬP KHẨU TẠI CHỖ HQ/2013-TC***Ban hành kèm theo Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính***HẢI QUAN VIỆT NAM****TỜ KHAI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU -****NHẬP KHẨU TẠI CHỖ***(Bản lưu Hải quan)***HQ/2013-TC**

A. PHẦN KÊ KHAI VÀ TÍNH THUẾ CỦA NGƯỜI XUẤT KHẨU, NGƯỜI NHẬP KHẨU										
1. Người xuất khẩu tại chỗ:					5. Loại hình XK: ☐ SXXK ☐ GC ☐		6. Giấy phép XK: Số: Ngày: Ngày hết hạn:		7. Hợp đồng XK: Số: Ngày: Ngày hết hạn:	
2. Người nhập khẩu tại chỗ:					8. Loại hình NK: ☐ SXXK ☐ GC ☐		9. Giấy phép NK: Số: Ngày: Ngày hết hạn:		10. Hợp đồng NK: Số: Ngày: Ngày hết hạn:	
3. Người chỉ định giao hàng:					11. Địa điểm giao hàng:		12. Hóa đơn VAT Số: Ngày:		13. Hóa đơn thương mại NK: Số: Ngày:	
4. Người làm thủ tục hải quan:					14. Phương thức thanh toán: - Hàng XK: - Hàng NK:		15. Đồng tiền thanh toán: - Hàng XK:..... Tỷ giá:..... - Hàng NK:..... Tỷ giá:.....			
Số TT	16. Tên hàng Quy cách phẩm chất	17. Mã số hàng hóa	18. Đơn vị tính	19. Lượng	Tính thuế của người NK					
					20. Đơn giá nguyên tệ		21. Trị giá nguyên tệ			
1										
2										
3										
4										
Số TT	22. Thuế nhập khẩu			23. Thuế GTGT (hoặc TTĐB)			24. Thu khác			
	Thuế suất (%)	Trị giá tính thuế (VNĐ)	Tiền thuế	Thuế suất (%)	Trị giá tính thuế (VNĐ)	Tiền thuế	Tỷ lệ (%)	Số tiền		
1										
2										
3										
4										
Cộng:										
25. Tổng số tiền thuế và thu khác (ô 22+23+24): Bằng số:..... Bằng chữ:.....										
26. Chứng từ xuất khẩu kèm theo: Bản chính Bản sao				27. Chứng từ nhập khẩu kèm theo: Bản chính Bản sao						
- Hợp đồng thương mại:				- Hợp đồng thương mại:						
- Giấy phép:				- Giấy phép:						
- Hóa đơn VAT:				- Hóa đơn thương mại:						
28. Người xuất khẩu tại chỗ: Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung khai báo trên tờ khai này. Ngày..... tháng..... năm..... (Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)				29. Người nhập khẩu tại chỗ: Cam kết sẽ làm thủ tục nhập khẩu tại Chi cục Hải quan..., thuộc Cục Hải quan..... và đã nhận đúng, đủ các sản phẩm đã kê khai và chịu trách nhiệm về nội dung khai trên tờ khai này. Ngày..... tháng..... năm..... (Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)						

B. PHẦN DÀNH CHO HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC XUẤT KHẨU						
Tổng cục Hải quan Cục Hải quan:..... Chi cục Hải quan:.....		Tờ khai số:...../XK/..... -TC/..... Ngày đăng ký:..... Số lượng phụ lục tờ khai:.....		Công chức đăng ký (ký, đóng dấu số hiệu công chức)		
30. Phần ghi kết quả kiểm tra của Hải quan Người quyết định hình thức kiểm tra: (ký, đóng dấu số hiệu công chức) Hình thức kiểm tra: ☐ Miễn kiểm tra ☐ Kiểm tra xác suất. Tỷ lệ:.....% ☐ Kiểm tra toàn bộ Địa điểm kiểm tra:..... Thời gian kiểm tra: Từ..... giờ....., ngày..... Đến:.....giờ....., ngày..... Kết quả kiểm tra:.....						
31. Đại diện doanh nghiệp xuất khẩu tại chỗ (ký, ghi rõ họ tên)				32. Công chức kiểm tra thực tế hàng hóa (ký, đóng dấu số hiệu công chức)		
33. Lệ phí hải quan:..... Bằng chữ:..... Biên lai thu lệ phí số:..... Ngày:.....						
34. Công chức kiểm tra thuế (Ký, ghi rõ, ngày, tháng, năm, đóng dấu số hiệu công chức)		35. Ghi chép khác của hải quan		36. Xác nhận đã làm thủ tục hải quan (ký, đóng dấu số hiệu công chức)		
C. PHẦN DÀNH CHO HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC NHẬP KHẨU						
Tổng cục Hải quan Cục Hải quan:..... Chi cục Hải quan:.....		Tờ khai số:...../NK/..... -TC/..... Ngày đăng ký:..... Số lượng phụ lục tờ khai:.....		Công chức đăng ký (ký, đóng dấu số hiệu công chức)		
Phần Hải quan kiểm tra tính thuế						
Số TT	37. Mã số hàng hóa	38. Lượng	39. Đơn giá tính thuế	40. Tiền thuế nhập khẩu		
				Trị giá tính thuế (VNĐ)	Thuế suất (%)	Tiền thuế
1						
2						
Số TT	41. Tiền thuế GTGT (hoặc TTĐB)			42. Thu khác		43. Tổng số tiền phải điều chỉnh sau khi kiểm tra (Tăng/Giảm): Bằng số:..... Bằng chữ:.....
	Trị giá tính thuế (VNĐ)	Thuế suất (%)	Tiền thuế	Tỷ lệ (%)	Số tiền	
1						
2						
44. Tổng số thuế và thu khác phải nộp (ô 25+36):..... Bằng chữ:..... Thông báo thuế/Biên lai thu thuế số:..... Ngày:.....						
45. Lệ phí hải quan:..... Bằng chữ :..... Biên lai thu lệ phí số:..... Ngày:.....						
46. Ghi chép khác của hải quan				47. Xác nhận đã làm thủ tục hải quan (ký, đóng dấu số hiệu công chức)		

PHỤ LỤC TỜ KHAI XUẤT KHẨU - NHẬP KHẨU TẠI CHỖ
(Bản lưu Hải quan)

Phụ lục số:

Kèm tờ khai số...../NK/.....TC/..... Ngày..... PLTKHQ/2013-TC

A. PHẦN KÊ KHAI VÀ TÍNH THUẾ CỦA NGƯỜI XUẤT KHẨU, NGƯỜI NHẬP KHẨU								
Số TT	16. Tên hàng, quy cách phẩm chất		17. Mã số hàng hóa	18. Đơn vị tính	19. Lượng	20. Đơn giá nguyên tệ	21. Trị giá nguyên tệ	
01								
02								
03								
04								
05								
06								
07								
08								
09								
10								
	22. Thuế nhập khẩu			23. Thuế GTGT (hoặc thuế TTĐB)			24. Thu khác	
Số TT	Thuế suất (%)	Trị giá tính thuế VND)	Tiền thuế	Thuế suất (%)	Trị giá tính thuế (VND)	Tiền thuế	Tỷ lệ (%)	Số tiền
01								
02								
03								
04								
05								
06								
07								
08								
09								
10								
Cộng								
28. Người xuất khẩu tại chỗ: Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung khai báo trên tờ khai này.					29. Người nhập khẩu tại chỗ: Cam kết sẽ làm thủ tục nhập khẩu tại Chi cục Hải quan....., thuộc Cục Hải quan..... và đã nhận đúng, đủ các sản phẩm đã kê khai và chịu trách nhiệm về nội dung khai trên tờ khai này.			
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)					(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)			

Số TT	33. Mã số hàng hóa		34. Lượng			35. Đơn giá tính thuế		
01								
02								
03								
04								
05								
06								
07								
08								
09								
10								
36. Tiền thuế nhập khẩu		37. Tiền thuế GTGT (hoặc TTĐB)				38. Thu khác		
Số TT	Trị giá tính thuế (VND)	Thuế suất (%)	Tiền thuế	Trị giá tính thuế (VND)	Thuế suất (%)	Tiền thuế	Tỷ lệ (%)	Số tiền
01								
02								
03								
04								
05								
06								
07								
08								
09								
10								
42. Cán bộ kiểm tra thuế (ký, ghi rõ ngày, tháng, năm, đóng dấu số hiệu công chức)								

HẢI QUAN VIỆT NAM

**TỜ KHAI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU -
NHẬP KHẨU TẠI CHỖ**
(Bản lưu người khai hải quan)

HQ/2013-TC

A. PHẦN KÊ KHAI VÀ TÍNH THUẾ CỦA NGƯỜI XUẤT KHẨU, NGƯỜI NHẬP KHẨU										
1. Người xuất khẩu tại chỗ:					5. Loại hình XK: ☐ SXXK ☐ GC ☐		6. Giấy phép XK: Số: _____ Ngày: _____ Ngày hết hạn: _____		7. Hợp đồng XK: Số: _____ Ngày: _____ Ngày hết hạn: _____	
2. Người nhập khẩu tại chỗ:					8. Loại hình NK: ☐ SXXK ☐ GC ☐		9. Giấy phép NK: Số: _____ Ngày: _____ Ngày hết hạn: _____		10. Hợp đồng NK: Số: _____ Ngày: _____ Ngày hết hạn: _____	
3. Người chỉ định giao hàng:					11. Địa điểm giao hàng:		12. Hóa đơn VAT Số: _____ Ngày: _____		13. Hóa đơn thương mại NK: Số: _____ Ngày: _____	
4. Người làm thủ tục hải quan:					14. Phương thức thanh toán: - Hàng XK: _____ - Hàng NK: _____		15. Đồng tiền thanh toán: - Hàng XK:..... Tỷ giá:..... - Hàng NK:..... Tỷ giá:.....			
Số TT	16. Tên hàng quy cách phẩm chất	17. Mã số hàng hóa	18. Đơn vị tính	19. Lượng	TÍNH THUẾ CỦA NGƯỜI NK					
					20. Đơn giá nguyên tệ	21. Trị giá nguyên tệ				
1										
2										
3										
4										
Số TT	22. Thuế nhập khẩu			23. Thuế GTGT (hoặc TTĐB)			24. Thu khác			
	Thuế suất (%)	Trị giá tính thuế (VNĐ)	Tiền thuế	Thuế suất (%)	Trị giá tính thuế (VNĐ)	Tiền thuế	Tỷ lệ (%)	Số tiền		
1										
2										
3										
4										
Cộng:										
25. Tổng số tiền thuế và thu khác (ô 22+23+24): Bảng số:..... Bảng chữ:.....										
26. Chứng từ xuất khẩu kèm theo: Bản chính Bản sao				27. Chứng từ nhập khẩu kèm theo: Bản chính Bản sao						
- Hợp đồng thương mại:				- Hợp đồng thương mại:						
- Giấy phép:				- Giấy phép:						
- Hóa đơn VAT:				- Hóa đơn thương mại:						
28. Người xuất khẩu tại chỗ: Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung khai báo trên tờ khai này. Ngày..... tháng..... năm..... (Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)				29. Người nhập khẩu tại chỗ: Cam kết sẽ làm thủ tục nhập khẩu tại Chi cục Hải quan..., thuộc Cục Hải quan..... và đã nhận đúng, đủ các sản phẩm đã kê khai và chịu trách nhiệm về nội dung khai trên tờ khai này. Ngày..... tháng..... năm..... (Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)						

B. PHẦN DÀNH CHO HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC XUẤT KHẨU						
Tổng cục Hải quan Cục Hải quan:..... Chi cục Hải quan:.....		Tờ khai số:...../XK/..... -TC/..... Ngày đăng ký:..... Số lượng phụ lục tờ khai:.....		Công chức đăng ký (ký, đóng dấu số hiệu công chức)		
Phần Hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa						
30. Phần ghi kết quả kiểm tra của Hải quan Người quyết định hình thức kiểm tra: (ghi rõ họ tên, đóng dấu số hiệu công chức) Hình thức kiểm tra: ☐ Miễn kiểm tra ☐ Kiểm tra xác suất. Tỷ lệ:.....% ☐ Kiểm tra toàn bộ Địa điểm kiểm tra: Thời gian kiểm tra: Từ..... giờ..., ngày Đến:.....giờ..., ngày Kết quả kiểm tra:.....						
31. Đại diện doanh nghiệp xuất khẩu tại chỗ (ký, ghi rõ họ tên)				32. Công chức kiểm tra thực tế hàng hóa (ký, đóng dấu số hiệu công chức)		
33. Lệ phí hải quan:..... Bằng chữ:..... Biên lai thu lệ phí số:..... Ngày:.....						
34. Công chức kiểm tra thuế (Ký, ghi rõ, ngày, tháng, năm, đóng dấu số hiệu công chức)		35. Ghi chép khác của hải quan		36. Xác nhận đã làm thủ tục hải quan (ký, đóng dấu số hiệu công chức)		
C. PHẦN DÀNH CHO HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC NHẬP KHẨU						
Tổng cục Hải quan Cục Hải quan:..... Chi cục Hải quan:.....		Tờ khai số:...../NK/..... -TC/..... Ngày đăng ký:..... Số lượng phụ lục tờ khai:.....		Công chức đăng ký (ký, đóng dấu số hiệu công chức)		
Phần Hải quan kiểm tra tính thuế						
Số TT	37. Mã số hàng hóa	38. Lượng	39. Đơn giá tính thuế	40. Tiền thuế nhập khẩu		
				Trị giá tính thuế (VNĐ)	Thuế suất (%)	Tiền thuế
1						
2						
Số TT	41. Tiền thuế GTGT (hoặc TTĐB)			42. Thu khác		43. Tổng số tiền phải điều chỉnh sau khi kiểm tra (Tăng/Giảm): Bằng số:..... Bằng chữ:.....
	Trị giá tính thuế (VNĐ)	Thuế suất (%)	Tiền thuế	Tỷ lệ (%)	Số tiền	
1						
2						
44. Tổng số thuế và thu khác phải nộp (ô 25+36):..... Bằng chữ:..... Thông báo thuế/Biên lai thu thuế số:..... Ngày:.....						
45. Lệ phí hải quan:..... Bằng chữ:..... Biên lai thu lệ phí số:..... Ngày:.....						
46. Ghi chép khác của hải quan				47. Xác nhận đã làm thủ tục hải quan (ký, đóng dấu số hiệu công chức)		

PHỤ LỤC TỜ KHAI XUẤT KHẨU - NHẬP KHẨU TẠI CHỖ*(Bản lưu người khai hải quan)*

Phụ lục số:

Kèm tờ khai số...../NK/.....TC/..... Ngày..... PLTKHQ/2013-TC

A. PHẦN KÊ KHAI VÀ TÍNH THUẾ CỦA NGƯỜI XUẤT KHẨU, NGƯỜI NHẬP KHẨU								
Số TT	16. Tên hàng, quy cách phẩm chất		17. Mã số hàng hóa	18. Đơn vị tính	19. Lượng	20. Đơn giá nguyên tệ	21. Trị giá nguyên tệ	
01								
02								
03								
04								
05								
06								
07								
08								
09								
10								
	22. Thuế nhập khẩu			23. Thuế GTGT (hoặc thuế TTĐB)			24. Thu khác	
Số TT	Thuế suất (%)	Trị giá tính thuế VND)	Tiền thuế	Thuế suất (%)	Trị giá tính thuế (VND)	Tiền thuế	Tỷ lệ (%)	Số tiền
01								
02								
03								
04								
05								
06								
07								
08								
09								
10								
Cộng								
28. Người xuất khẩu tại chỗ: Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung khai báo trên tờ khai này.					29. Người nhập khẩu tại chỗ: Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung khai báo trên tờ khai này.			
<i>(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>					<i>(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>			

B. PHẦN HẢI QUAN KIỂM TRA TÍNH THUẾ								
Số TT	33. Mã số hàng hóa			34. Lượng		35. Đơn giá tính thuế		
01								
02								
03								
04								
05								
06								
07								
08								
09								
10								
	36. Tiền thuế nhập khẩu			37. Tiền thuế GTGT (hoặc TTĐB)		38. Thu khác		
Số TT	Trị giá tính thuế (VND)	Thuế suất (%)	Tiền thuế	Trị giá tính thuế (VND)	Thuế suất (%)	Tiền thuế	Tỷ lệ (%)	Số tiền
01								
02								
03								
04								
05								
06								
07								
08								
09								
10								
42. Công chức kiểm tra thuế (ký, ghi rõ ngày, tháng, năm, đóng dấu số hiệu công chức)								

Phụ lục V
BẢN HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG MẪU TỜ KHAI HÀNG HÓA
XUẤT KHẨU - NHẬP KHẨU TẠI CHỖ HQ/2013-TC

Ban hành kèm theo Thông tư số 128/2013/TT-BTC

ngày 10/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

A. Quy định chung

1. Văn bản này chỉ hướng dẫn sử dụng một số ô, mục của Tờ khai hàng hóa xuất khẩu - nhập khẩu tại chỗ. Các ô, mục khác đã thể hiện cụ thể, rõ ràng trên tờ khai nên không hướng dẫn thêm.

2. Người khai chỉ được sử dụng một loại mực (không dùng mực đỏ) để khai, không được tẩy xóa, sửa chữa.

3. Người khai hải quan khai trên tờ khai xuất khẩu - nhập khẩu tại chỗ (HQ/2013-TC) theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

B. Hướng dẫn sử dụng cụ thể

1. Người xuất khẩu tại chỗ khai các ô, mục sau: số 1, số 3, số 5, số 6, số 7, số 14 (phần hàng XK), số 15 (phần hàng XK), số 16, số 17, số 18, số 19, số 26 và số 28.

2. Người nhập khẩu tại chỗ khai các ô, mục còn lại của phần A (Phần kê khai và tính thuế của người xuất khẩu, người nhập khẩu) và ghi rõ Chi cục hải quan....., Cục Hải quan..... nơi dự kiến làm thủ tục nhập khẩu tại ô 29 Tờ khai và Phụ lục tờ khai.

3. Ô số 3: Ghi khách hàng nước ngoài ký hợp đồng mua bán ngoại thương với doanh nghiệp Việt Nam.

4. Ô số 10: Nếu sản phẩm xuất khẩu tại chỗ dùng làm nguyên liệu để gia công cho thương nhân nước ngoài thì tại ô này ghi số, ngày ký hợp đồng gia công, ngày hết hạn của hợp đồng gia công.

5. Ô số 11: Ghi nơi giao nhận hàng giữa 2 doanh nghiệp xuất khẩu tại chỗ, nhập khẩu tại chỗ theo chỉ định của thương nhân nước ngoài.

6. Ô số 30: cách ghi kết quả kiểm tra thực tế thực hiện như đối với hàng hóa nhập khẩu thương mại.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 080.44946 – 080.44417

Fax: 080.44517

Email: congbao@chinhphu.vn

Website: <http://congbao.chinhphu.vn>

In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng